

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2501 /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
giai đoạn 2025-2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-CP phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 5/2024;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1627/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt “Kế hoạch Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ-BKHĐT ngày 09/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

Căn cứ Văn bản số 4592/BKHĐT-VP ngày 14/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân công thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 82/NQ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2025-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Chánh Văn phòng Bộ và Người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đ/c Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, CNTT (02 bản) **A.04**



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



**ĐỀ ÁN
CHUYỂN ĐỔI SỐ BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
GIAI ĐOẠN 2025-2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2501/QĐ-BKHĐT ngày 30/10/2024 của
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Hà Nội - 2024

MỤC LỤC

PHẦN I: MỞ ĐẦU.....	6
I. Sự cần thiết xây dựng đề án.....	6
II. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án	6
III. Phạm vi của đề án.....	9
PHẦN II: THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ.....	10
I. Tình hình chuyển đổi số.....	10
1. Bối cảnh chung.....	10
2. Tình hình chuyển đổi số tại Việt Nam	10
II. Thực trạng chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.....	13
1. Nhận thức về chuyển đổi số	13
2. Về thể chế, môi trường pháp lý	14
3. Về nhân lực số.....	18
4. Về hạ tầng kỹ thuật.....	19
5. Về các hệ thống nền tảng công nghệ thông tin	20
6. Về Chuyển đổi số trong quản lý điều hành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.....	27
7. An toàn thông tin mạng.....	28
III. Đánh giá ưu điểm, hạn chế, bài học kinh nghiệm	30
1. Ưu điểm	30
2. Tồn tại, hạn chế	36
3. Bài học kinh nghiệm.....	40
PHẦN III: NỘI DUNG ĐỀ ÁN.....	41
I. Quan điểm, nguyên tắc	41
1. Quan điểm	41
2. Nguyên tắc.....	42
II. Mục tiêu	42
1. Mục tiêu tổng quát.....	42
2. Mục tiêu cụ thể	43
III. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số	45
1. Nhận thức số.....	46
2. Hoàn thiện môi trường pháp lý	47
3. Phát triển hạ tầng số	48

4. Phát triển dữ liệu số.....	50
5. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.....	53
6. Phát triển nguồn nhân lực.....	53
IV. Kinh phí thực hiện.....	54
VII. Tổ chức và lộ trình thực hiện.....	55
1. Các đơn vị thuộc Bộ.....	55
2. Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số.....	56
3. Tổng cục Thống kê.....	57
4. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh.....	58
5. Cục Đầu tư nước ngoài.....	58
6. Cục Quản lý đấu thầu.....	58
7. Cục Phát triển doanh nghiệp.....	58
8. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân.....	58
9. Vụ Kinh tế đối ngoại.....	59
10. Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư.....	59
11. Vụ Quản lý các khu kinh tế.....	59
12. Văn phòng Bộ.....	59
13. Vụ Tổ chức cán bộ.....	59
14. Vụ Quản lý quy hoạch.....	59
15. Học viện Chính sách và Phát triển.....	60
16. Cục Kinh tế hợp tác.....	60
PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN.....	61
I. Tính khả thi của đề án.....	61
1. Về quyết tâm chính trị của người đứng đầu.....	61
2. Về sự sẵn sàng của các sản phẩm, giải pháp công nghệ.....	61
II. Hiệu quả của đề án.....	61
1. Hiệu quả quản lý nhà nước.....	61
2. Hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội.....	62
3. Hiệu quả đối với các lĩnh vực quản lý có liên quan.....	63
III. Đánh giá về những thách thức, rủi ro của Đề án.....	63
1. Rủi ro về công nghệ, giải pháp kỹ thuật.....	63
2. Rủi ro do cơ cấu tổ chức và cơ chế chính sách.....	63

3. Rủi ro về tài chính	64
4. Rủi ro về nhân lực	64
IV. Kiến nghị, đề xuất	64

DANH MỤC THUẬT NGỮ, VIẾT TẮT

TT	Thuật ngữ, viết tắt	Ý nghĩa
1	CNTT	Công nghệ thông tin
2	ATTT	An toàn thông tin
3	CSDL	Cơ sở dữ liệu
4	Bộ KH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	CSDLQG	Cơ sở dữ liệu quốc gia
6	LGSP	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh

PHẦN I: MỞ ĐẦU

I. Sự cần thiết xây dựng đề án

Chuyển đổi số là nhiệm vụ quan trọng được Đảng và Nhà nước Việt Nam hết sức quan tâm. Đại hội XIII của Đảng xác định chuyển đổi số là tất yếu khách quan và đặt mục tiêu chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện, phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng Chính phủ số. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chương trình, chính sách như: Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển chính phủ số, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số (Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” để triển khai Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp 4.0 đến năm 2030). Hầu hết bộ, ngành và địa phương đã ban hành chương trình, kế hoạch, đề án chuyển đổi số phục vụ ngành, lĩnh vực, quản lý ưu tiên vào phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu về kinh tế - xã hội phục vụ ra quyết định chính sách; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, cả trên thiết bị di động để người dân, doanh nghiệp thực hiện tốt nhất dịch vụ, tiết kiệm thời gian đảm bảo chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí. Tuy nhiên, các kế hoạch, chưa lồng ghép các nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả nghiệp vụ chuyên môn, kết nối, thụ hưởng kết quả chuyển đổi số của các ngành, lĩnh vực. Chính vì vậy, ngày 05/6/2024 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 82/NQ-CP theo đó các bộ, ngành, địa phương xây dựng đề án chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương mình và giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp chỉ đạo (tương tự như Đề án 06), bảo đảm tránh chồng chéo, lãng phí, khắc phục, tháo gỡ các “điểm nghẽn” đang là rào cản trong quá trình thúc đẩy chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương.

Do đó, đề án này được xây dựng nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong hoạt động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo hướng hiệu quả, nhanh chóng và đồng bộ giúp nâng cao chất lượng thông tin, đáp ứng nhanh và kịp thời nhu cầu sử dụng thông tin của các cấp lãnh đạo và toàn xã hội, nâng cao tính dễ tiếp cận số liệu của người sử dụng thông tin.

II. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;
- Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;
- Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
- Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;
- Nghị quyết số 82/NQ-CP phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 5/2024;
- Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án việc thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

- Thông tư số 31/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoạt động giám sát an toàn hệ thống thông tin;

- Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng;

- Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

- Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

- Quyết định số 38/QĐ-BTTTT ngày 14/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi IPv6 cho cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1082/QĐ-BKHĐT ngày 16/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Quyết định số 1265/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Quyết định số 1776/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt “Kế hoạch Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 1632/QĐ-BKHĐT ngày 02/10/2023 về việc ban hành Kế hoạch bảo đảm an toàn, an ninh mạng tổng thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 2123/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Quyết định số 1106/QĐ-BKHĐT ngày 09/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

- Văn bản số 4592/BKHĐT-VP ngày 14/6/2024 của Bộ trưởng về việc phân công thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 82/NQ-CP của Chính phủ.

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương;

- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1627/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia;

- Quyết định số 1520/QĐ-BKHĐT ngày 10/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ban hành Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia;

- Quyết định số 2110/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Phê duyệt Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia.

III. Phạm vi của đề án

Đề án được xây dựng để áp dụng cho các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

PHẦN II: THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ

I. Tình hình chuyển đổi số

1. Bối cảnh chung

Thế giới đang diễn ra một cuộc Cách mạng công nghiệp mới - Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội loài người. Cách mạng công nghiệp 4.0 dựa trên nền tảng công nghệ số diễn ra với tốc độ nhanh, tạo ra sự thay đổi chưa từng có trong mô hình kinh tế - xã hội. Nó tác động đến sự chuyển đổi toàn bộ hệ thống, các ngành công nghiệp, đời sống kinh tế - xã hội trên phạm vi toàn cầu.

Chuyển đổi số là xu thế toàn cầu, là quá trình không thể đảo ngược. Chuyển đổi số đang tác động sâu rộng đến cấu trúc và các mối quan hệ trong nền kinh tế toàn cầu: thay lao động chân tay bằng tự động hóa; thay vốn bằng tri thức và dữ liệu; thay đổi toàn diện mối quan hệ của chính quyền với người dân và giữa các chủ thể trong nền kinh tế thông qua việc xóa bỏ các cơ chế trung gian trong chuỗi giá trị bằng công nghệ kết nối trực tiếp; thay đổi thói quen tiêu dùng cũng như hành vi ứng xử của toàn xã hội.

Thế giới đang ở trong thời kỳ chuyển đổi số sẽ thay đổi hoàn toàn cách chúng ta sống và làm việc. Dữ liệu được chia sẻ với số lượng khổng lồ mỗi phút trên các website, giữa các tổ chức với nhau trên toàn thế giới. Sự bùng nổ của dữ liệu và những tiến bộ chưa từng có trong sức mạnh xử lý của máy tính đã tăng đáng kể khả năng hỗ trợ ra quyết định trong nhiều hoạt động. Thế giới đã dịch chuyển và dần tiến tới kỷ nguyên tự động hóa. Tác động của công nghệ tiên tiến đã ảnh hưởng đến hầu hết mọi ngành nghề và tổ chức ở nhiều cấp độ, từ lập chiến lược, tiếp thị cho tới quản lý chuỗi cung ứng và dịch vụ khách hàng.

2. Tình hình chuyển đổi số tại Việt Nam

Chuyển đổi số đã trở thành phong trào, xu thế, là yêu cầu khách quan và lựa chọn chiến lược.

Theo báo cáo tại phiên họp thứ 9 của Ủy ban Chuyển đổi số quốc gia, công tác chuyển đổi số quốc gia đã đạt được một số kết quả tích cực.

Thứ nhất, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện được triển khai quyết liệt, đồng bộ với quyết tâm cao từ Trung ương đến cơ sở. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 6 quyết định và 2 chỉ thị, 3 công điện; các bộ, ngành đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thúc đẩy chuyển đổi số và triển khai Đề án 06.

Thứ hai, công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách tạo khuôn khổ pháp lý và điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi số quốc gia và Đề án 06 được triển khai tích cực. Chính phủ đã ban hành 10 nghị định. Các bộ, ngành đã ban hành theo thẩm quyền 10 thông tư. Đến nay, đã đơn giản hóa 828/1.084 thủ tục hành chính được giao tại các nghị quyết chuyên đề của Chính phủ, trong đó trong 6 tháng đầu năm, đã đơn giản hóa 242 thủ tục. 63/63 địa phương đã ban hành Nghị quyết miễn giảm phí, lệ phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

Thứ ba, kinh tế số, xã hội số tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực.

Công nghiệp công nghệ thông tin (ICT) có bước phát triển khá (theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, doanh thu 6 tháng ước đạt trên 1,9 triệu tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ).

Sản phẩm số của doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục phát triển và đã xuất khẩu đi khắp thế giới. Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu sản phẩm số 6 tháng ước đạt 64,8 tỷ USD, tăng 23%, nhập khẩu đạt 56,1 tỷ USD, tăng 27,2%.

Nhiều tập đoàn, công nghệ hàng đầu thế giới đã cam kết đầu tư và mở rộng đầu tư vào Việt Nam, nhất là trong lĩnh vực mới như điện tử, chip bán dẫn, nghiên cứu phát triển và trí tuệ nhân tạo.

Thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt được tích cực triển khai (theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt tăng 58,2% về số lượng và 36,7% về giá trị).

Ngành y tế đang tích cực triển khai hồ sơ bệnh án điện tử; hơn 1 triệu đối tượng chính sách được nhận trợ cấp an sinh xã hội và 1,8 triệu người nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội qua tài khoản.

Công tác mở rộng cơ sở thu, quản lý thuế, hóa đơn điện tử được triển khai một cách quyết liệt, mạnh mẽ và có sự chuyển biến tích cực; kết quả thu thuế từ hoạt động thương mại điện tử tăng theo từng năm (năm 2022 là 83.000 tỷ đồng; năm 2023 là 97.000 tỷ đồng; 6 tháng đầu năm 2024 là trên 50.000 tỷ đồng).

Thứ tư, hạ tầng số và các nền tảng số được quan tâm đầu tư và có bước phát triển. Nhiều trung tâm dữ liệu hiện đại được khánh thành và đi vào hoạt động. Trung tâm Dữ liệu quốc gia đang được tích cực triển khai.

100% xã, phường, thị trấn có internet băng thông rộng; 100% cơ quan từ Trung ương đến cấp xã đã được kết nối với mạng số liệu chuyên dùng (trong 6 tháng đã xóa 256 điểm lùm sóng, lùm điện).

Thứ năm, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành được đẩy mạnh triển khai; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu có bước phát triển.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối, chia sẻ, xác thực, làm sạch dữ liệu với 85 bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty Nhà nước (100% công dân đã được cấp mã số định danh cá nhân; 86,3 triệu công dân đã được cấp thẻ căn cước gắn chip điện tử; hơn 75,7 triệu tài khoản VNeID đã được cấp).

Tích cực thí điểm, triển khai nhiều tiện ích số cho người dân, doanh nghiệp như cấp phiếu lý lịch tư pháp trên VneID (thí điểm tại Hà Nội và Thừa Thiên Huế)...

Thứ sáu, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp được đẩy mạnh.

Đến nay, đã có 16,4 triệu tài khoản và 51,6 triệu hồ sơ được nộp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (6 tháng đầu năm đã cấp mới 4,8 triệu tài khoản và 13,9 triệu hồ sơ được nộp).

Triển khai 43/53 dịch vụ công thiết yếu (tăng 5 dịch vụ công so với cuối năm 2023). Riêng 25 dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06 hằng năm đã tiết kiệm cho Nhà nước và xã hội 3.500 tỷ đồng/năm.

Tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được đẩy mạnh (cấp bộ là 46,4%, tăng 22,1%; địa phương đạt 58,1%, tăng 14,6%). Từ 1/7/2024, người dân có thể sử dụng duy nhất tài khoản VNeID để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Một số vấn đề đặt ra

Thứ nhất, trở ngại từ công nghệ. Chuyển đổi số chính là việc ứng dụng công nghệ vào mọi hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện trong thời đại bùng nổ về công nghệ trên nền tảng của hệ thống internet, chính vì vậy, đòi hỏi trình độ cao cả về kỹ thuật cũng như nhân lực. Trong khi đó, Việt Nam vẫn còn đi sau thế giới về mặt công nghệ, chưa làm chủ được các công nghệ lõi của chuyển đổi số, các hệ thống nền tảng cơ bản. Chính vì vậy, chuyển đổi số tại Việt Nam hiện vẫn cơ bản sử dụng các công nghệ sẵn có trên thế giới.

Thứ hai, khó khăn từ vốn đầu tư. Đầu tư cho chuyển đổi số là đầu tư để thay đổi, từ nhận thức, chiến lược, nhân lực, kết cấu hạ tầng tới giải pháp công nghệ, vì vậy, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn. Tuy vậy, việc phải đầu tư lớn về tài chính và nhân lực đã tạo rào cản lớn với các doanh nghiệp Việt Nam. Chính vì thiếu vốn, nên nhiều doanh nghiệp cho rằng, chuyển đổi số là “cuộc chơi” của các doanh nghiệp lớn. Vì thiếu vốn nên các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam thường chọn “điện toán đám mây” là công nghệ để đầu tư nhiều nhất, bởi cho phép các doanh nghiệp mở rộng nhanh chóng khi có nhu cầu mà không phải đầu tư nhiều vốn vào kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin.

Thứ ba, thách thức từ nhận thức của doanh nghiệp. Chuyển đổi số sẽ tác động tới toàn bộ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, gây nên nhiều áp lực cho các nhà quản trị ngay từ vấn đề nhận thức tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với sự phát triển doanh nghiệp, nguồn tài chính đến tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia của đông đảo người lao động tại doanh nghiệp, về tính hiệu quả của chuyển đổi số,... Chuyển đổi số phải bắt đầu từ sự thay đổi tư duy người lãnh đạo, từ chiến lược, tư duy truyền thống sang chiến lược, tư duy kinh doanh công nghệ số hiệu quả.

Thứ tư, việc ứng dụng các công nghệ mới, hình thành các mô hình giao dịch mới, dịch vụ tài chính mới đòi hỏi phải có hệ thống khung pháp lý được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với các mô hình, dịch vụ mới này. Việc ứng dụng các công nghệ AI trong xây dựng các thuật toán cũng phát sinh các giao dịch tần suất cao, đồng thời công nghệ Big Data, công nghệ di động cũng phát sinh dịch vụ tài chính mới như phân tích đầu tư, giao dịch qua thiết bị di động, thu thập và phân tích dữ

liệu khách hàng, hỗ trợ báo cáo tuân thủ, do đó khung pháp lý liên quan đến quản lý, giám sát giao dịch tần suất cao, bảo mật dữ liệu cũng là một vấn đề đặt ra.

Thứ năm, quy mô thương mại dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật số của Việt Nam là tương đối hạn chế so với các quốc gia trong khu vực, như Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan. Hơn nữa, kết cấu hạ tầng cho tiến trình chuyển đổi số cũng có nhiều yếu kém, đặc biệt trong việc chia sẻ hạ tầng thụ động giữa các ngành như cáp quang và tháp phát sóng vẫn chưa được thiết lập hoặc quản lý chặt chẽ.

Thứ sáu, trình độ lực lượng lao động của Việt Nam cũng là một thách thức để chuyển đổi số nền kinh tế. Người lao động Việt Nam chủ yếu thuộc nhóm có kỹ năng thấp với tỷ lệ hơn 40% (cao nhất khu vực Đông Nam Á) và chỉ khoảng 10% lực lượng lao động có kỹ năng cao (so với hơn 20% của Malaysia, Philippines và hơn 50% của Singapore). Trong khi đó, để thích ứng với các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao của quá trình chuyển đổi số và tự động hóa đòi hỏi số lượng lớn lao động có kỹ năng cao.

Các vấn đề, các yêu cầu đặt ra đối với nhiệm vụ chuyển đổi số quốc gia, trong đó không thể thiếu vai trò, trách nhiệm chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của Chiến lược chuyển đổi số quốc gia.

II. Thực trạng chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Nhận thức về chuyển đổi số

Bộ đã ban hành Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và triển khai Ngày Chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2023 tại Quyết định số 1634/QĐ-BKHĐT ngày 03/10/2023.

Bộ đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chia sẻ về kinh nghiệm và cách làm về chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngoài ra, trong quá trình phối hợp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục chia sẻ các ví dụ về quá trình chuyển đổi số của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã trong các tài liệu công bố trong khuôn khổ Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, như trong Sổ tay hướng dẫn chuyển đổi số cho doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến và phân phối thực phẩm, lĩnh vực vận tải và logistics và trong các Báo cáo thường niên chuyển đổi số doanh nghiệp. Các sản phẩm đều có thể tham khảo trên Cổng thông tin của Chương trình¹.

Bộ đã xây dựng và triển khai chuyên trang chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư². Cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật tiếp cận thông tin, Luật tiếp công dân... Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có chuyên

¹ <https://digital.business.gov.vn>

² <https://chuyendoiso.mpi.gov.vn/>

mục về chuyển đổi số³. Cổng thông tin Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025⁴, là một phần Cổng thông tin Quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp. Toàn bộ các công cụ, các tài liệu, video đào tạo và thông tin các gói hỗ trợ chuyển đổi số đã được số hóa và đăng tải 24/7 trên Cổng thông tin và phổ biến một cách rộng rãi. Bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể dễ dàng truy cập, tiếp cận các thông tin, tài liệu, kiến thức, kết nối mạng lưới chuyên gia, giải pháp công nghệ số và thông tin hỗ trợ của Chính phủ về chuyển đổi số trong doanh nghiệp, đạt hơn 2 triệu lượt truy cập thông tin.

2. Về thể chế, môi trường pháp lý

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đẩy mạnh việc nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai, xây dựng phát triển Chính phủ điện tử. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành nhiệm vụ sửa đổi Luật Đầu tư công để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc sử dụng vốn đầu tư công trong lập, triển khai dự án, trong đó bao gồm các dự án công nghệ thông tin.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo một số Luật đề tạo môi trường pháp lý thuận lợi, đơn giản hóa thủ tục hành chính cũng như đẩy mạnh Chuyển đổi số như: Luật Doanh nghiệp sửa đổi, Luật Đầu tư sửa đổi, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hợp tác xã 2023, Luật Đầu tư công.

Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục hoàn thiện các quy định về Chuyển đổi số, cụ thể:

- Nghị quyết cấp ủy về chuyển đổi số: Đảng ủy cơ quan Bộ KH&ĐT đã ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động công tác đảng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 258-KH/ĐUBKHĐT.

- Để tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện Đề án 06, Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Chỉ thị số 366-CT/BCSD ngày 24/10/2023. Theo đó, quán triệt tới người đứng đầu Cấp ủy, Thủ trưởng các đơn vị và toàn thể đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ tại Chỉ thị.

- Chuyển đổi số trong nội bộ:

- + Đã ban hành các quy chế về Chuyển đổi số trong Bộ như: Quy chế quản lý vận hành và khai thác sử dụng mạng máy tính của Bộ; Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; Quy chế quản lý vận hành và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu (CSDL) cán bộ, công chức, viên chức của Bộ; Quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công

³ <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/Chuyen-doi-so-1059.aspx>

⁴ <https://digital.business.gov.vn/>

việc của Bộ; Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quy chế quản lý, vận hành, tích hợp, cập nhật dữ liệu và khai thác sử dụng Trung tâm điều hành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quy chế quản lý, vận hành và khai thác, sử dụng Hệ thống camera giám sát an ninh; Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Ban hành các văn bản đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ đẩy mạnh việc Chuyển đổi số, trong đó yêu cầu người đứng đầu các đơn vị nghiêm túc triển khai sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của Bộ để nâng cao năng suất, tiết kiệm thời gian nghiên cứu, trình ký, hạn chế văn bản giấy (Chỉ thị số 02/CT-BKHĐT ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn bản số 352/BKHĐT-VP ngày 25/6/2019; Chỉ thị số 02/CT-BKHĐT ngày 14/4/2022).

- Chuyển đổi số phục vụ người dân và doanh nghiệp:

+ Lĩnh vực đăng ký kinh doanh: Trong năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã.

+ Lĩnh vực đấu thầu: Sau khi Luật Đấu thầu năm 2023 được ban hành, năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ ban hành Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Trong năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục ban hành Thông tư số 03/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 Quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, Thông tư số 05/2024/TT-BKHĐT quy định chi tiết việc quản lý và sử dụng các chi phí trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

+ Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp. Một trong những nội dung của Nghị định là khái niệm về Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước; nguyên tắc của việc xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước; Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Một trong những nội dung của Nghị định là khái niệm về Cơ sở dữ liệu hỗ trợ doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa; nguyên tắc của việc xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước. Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 07/1/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành về Chuyển đổi số doanh nghiệp 2021-2025.

- Chuyển đổi số phục vụ cơ quan nhà nước:

+ Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về đầu tư công: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Thông tư quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công (Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017); Thông tư quy định và hướng dẫn một số nội dung tại Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ (Thông tư số 07/2017/TT-BKHĐT ngày 14/12/2017); trong đó quy định việc sử dụng Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư công, bao gồm việc tổng hợp, báo cáo, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; theo dõi, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công; quản lý, lưu trữ, công khai dữ liệu theo quy định.

+ Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về giám sát và đánh giá đầu tư: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước (Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023); trong đó quy định chi tiết chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống nghiệp vụ để thực hiện giám sát, đánh giá chương trình dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

+ Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về quy hoạch: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; ban hành Thông tư 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; trong đó quy định việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

- Ứng dụng trao đổi thông tin, dữ liệu: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quy chế kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại (Quyết định số 1682/QĐ-BKHĐT ngày 22/12/2021); Bộ Kế hoạch và Đầu tư

và Bộ Tài chính ban hành Quy chế phối hợp trao đổi thông tin dữ liệu giữa Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (11260/QCPH-BTC-BKHĐT ngày 17/9/2018); Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính ban hành Quy chế trao đổi thông tin về hợp tác xã giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế (01/2022/QCLT-BTC-BKHĐT ngày 13/01/2022); Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy chế phối hợp trao đổi thông tin, dữ liệu giữa Kiểm toán nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại (1485/QC-KTNN-BKHĐT ngày 06/12/2022).

- Công tác bảo đảm an toàn an ninh thông tin: Bộ đã có Quyết định số 1082/QĐ-BKHĐT ngày 16/7/2018 ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bộ đã ban hành Kế hoạch bảo đảm an toàn, an ninh mạng tổng thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1632/QĐ-BKHĐT ngày 02/10/2023).

- Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ:

+ Ngày 31/8/2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư phiên bản 1.0 tại Quyết định số 1308/QĐ-BKHĐT.

+ Ngày 28/9/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư phiên bản 2.0 tại Quyết định số 1433/QĐ-BKHĐT.

+ Ngày 09/5/2024, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số Quyết định số 1106/QĐ-BKHĐT.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị định 47/2020/NĐ-CP tại Quyết định số 1265/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2020. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 6013/BKHĐT-TTTH ngày 14/9/2020 gửi Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đăng ký, đề xuất CSDL trình Chính phủ ban hành danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG).

- Triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phê duyệt “Kế hoạch Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030” tại Quyết định số 1776/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020.

- Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu, Danh mục dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý của Bộ (Quyết định số 1814/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2021 và Quyết định số 1349/QĐ-BKHĐT ngày 02/8/2023);

- Ban hành danh mục mã định danh điện tử của các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương (Quyết định số 13/QĐ-BKHĐT ngày 10/01/2023; Quyết định số 1790/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2023).

- Xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hằng năm:

+ Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 1922/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2020.

+ Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 1931/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2020.

+ Kế hoạch phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 1394/QĐ-BKHĐT ngày 14/10/2021.

+ Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 2172/QĐ-BKHĐT ngày 14/12/2022.

+ Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 2123/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2023.

- Năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xếp thứ 1 trên tổng số 17 bộ, cơ quan ngang bộ có cung cấp dịch vụ công trong báo cáo đánh giá chuyển đổi số cấp bộ.

3. Về nhân lực số

- Ngày 15/5/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 876/QĐ-BKHĐT về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2023 theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, trong đó có đào tạo về chuyển đổi số, kỹ năng số:

+ Lớp bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số đối với nền kinh tế Việt Nam (tháng 6/2023).

+ Lớp bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cơ bản; kỹ năng bảo mật thông tin trên môi trường mạng và Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tháng 7/2023).

- 100% cán bộ công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ đã được phổ cập kỹ năng số thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp.

- 100% cán bộ công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ đã được phổ cập kỹ năng số thông qua Hệ thống thông tin tổng thể.

- 100% cán bộ công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ được phổ cập về “An toàn Internet” trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Số lượng cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 121 người, đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ như sau:

STT	Tên đơn vị	Số cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin	Trình độ
1	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	28	05 thạc sỹ, 23 cử nhân/kỹ sư
2	Tổng cục Thống kê	77	
3	Cục Quản lý đấu thầu	09	05 thạc sỹ, 04 cử nhân/kỹ sư
4	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	07	07 cử nhân/kỹ sư

4. Về hạ tầng kỹ thuật

- Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC: 100% CBCC có máy tính.

- Tỷ lệ các cơ quan trực thuộc có LAN, kết nối Internet tốc độ cao, kết nối WAN: đạt 100%

- Tỷ lệ máy tính của CBCC được kết nối mạng không dây: đạt 100%

- Trung tâm dữ liệu của Bộ: đã được xây dựng từ năm 2010 theo tiêu chuẩn TIA-942-2005. Hiện trung tâm dữ liệu vẫn đang hoạt động đảm bảo hạ tầng cho các Hệ thống thông tin, CSDL của Bộ. Tuy nhiên do thời gian xây dựng đã lâu, các thiết bị và công nghệ đã cũ và lạc hậu, không có trung tâm dự phòng.

- Đã xây dựng Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến để tổ chức các cuộc họp trực tuyến tại Bộ.

- Ứng dụng điện toán đám mây tại Bộ: Đã ứng dụng hệ thống điện toán đám mây của Bộ để triển khai các ứng dụng tại Bộ.

- Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động, cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ: Hiện tại, 100% Lãnh đạo Bộ và Lãnh đạo đơn vị và CBCC được cấp và sử dụng chứng thư số trong công việc.

- Hệ thống mạng liên thông giữa hệ thống mạng của Bộ với các hệ thống mạng của các cơ quan qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Chính phủ: Kết nối hệ thống Hội nghị truyền hình Chính phủ; Kết nối trực liên thông văn bản quốc gia (VDXP); Kết nối mạng CPNET; Kết nối nền tảng tích

hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); Kết nối hệ thống mạng với Bộ, ngành, địa phương khác.

- Đã xây dựng Kế hoạch và hoàn thành tổ chức thực hiện việc chuyển đổi hệ thống công nghệ thông tin của Bộ sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- *Hạ tầng IoT*: Đã và đang xây dựng các hạ tầng giám sát vào ra, điểm danh tích hợp, hệ thống kết nối mạng không dây trong toàn bộ cơ quan Bộ.

- *Kho dữ liệu tập trung*: Đã xây dựng Kho dữ liệu tập trung của Bộ, tiếp tục triển khai nhằm mục đích kết nối tất cả các thông tin dữ liệu của Bộ để hỗ trợ, phục vụ việc phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ Lãnh đạo Bộ, lãnh đạo các đơn vị ra quyết định.

- Hệ thống định danh tập trung của Bộ, ngành: Đã được xây dựng và sử dụng cho các hệ thống ứng dụng chuyên ngành cũng như nội bộ của Bộ.

5. Về các hệ thống nền tảng công nghệ thông tin

5.1. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh-LGSP:

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP) đã được xây dựng, phục vụ việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trong nội bộ của bộ, ngành và đóng vai trò là đầu mối kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống bên ngoài, như: Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDL dân cư), cơ sở dữ liệu chuyên ngành (Tabmis), chia sẻ dữ liệu với các địa phương (CSDL đăng ký doanh nghiệp),... Việc xây dựng, phát triển LGSP đã và đang giúp cho Bộ:

- Tổng hợp thông tin, dữ liệu từ nhiều nguồn để tạo kho dữ liệu dùng chung của bộ, ngành bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành được hiệu quả;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ không phải nhập thông tin thủ công, thao tác nghiệp vụ trên nhiều phần mềm khác nhau;

- Tăng cường hiệu quả khai thác các dữ liệu dùng chung trong nội bộ, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí;

- Cho phép cung cấp dữ liệu ra bên ngoài.

5.2. Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung:

Bộ đã xây dựng hệ thống kho dữ liệu tập trung và triển khai Hệ thống phân tích hiển thị chỉ số Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu đóng vai trò như một kho lưu trữ dữ liệu tập trung để lưu trữ dữ liệu trên quy mô lớn, bao gồm cả dữ liệu phi cấu trúc và dữ liệu có cấu trúc từ nhiều nguồn trong và ngoài Bộ, riêng trong Bộ nền tảng này hiện đã tổng hợp dữ liệu từ các hệ thống thông tin (HTTT) và CSDL lớn về như: HTTT và CSDL quốc gia về Đầu tư công, CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, HTTT và CSDL quốc gia về quy hoạch, HTTT về giám sát đầu tư quốc gia, HTTT và CSDL quốc gia về đầu tư (Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, đầu tư

của nhà đầu tư trong nước và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài), HTTT báo cáo Thống kê,... Ngoài việc được sử dụng để lưu trữ dữ liệu cho các phân tích trong tương lai hoặc thời gian thực, Nền tảng này cung cấp các công cụ phục vụ phân tích dữ liệu.

5.3. Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn bộ, ngành phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của Bộ

Bộ đã triển khai Nền tảng quản trị số tổng thể⁵ và phần ứng dụng trên thiết bị mobile. Nền tảng này cho phép người sử dụng (toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ) đăng nhập một lần, trải nghiệm xuyên suốt, đồng bộ các chức năng về thư điện tử, văn bản điện tử, lịch làm việc, họp trực tuyến, đơn đốc, nhắc việc, chia sẻ tệp tin và các chức năng khác hỗ trợ công vụ, qua đó, hỗ trợ người sử dụng nâng cao hiệu suất, chất lượng giải quyết công việc.

5.4. Nền tảng họp trực tuyến:

Bộ đã xây dựng và triển khai nền tảng họp trực tuyến, cho phép họp trực tuyến linh hoạt đến từng thiết bị cá nhân của người tham gia, kết nối thông suốt, đồng bộ với hệ thống họp trực tuyến đã có ở các cơ quan, tổ chức.

5.5. Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước:

Bộ đã và đang triển khai nền tảng này tích hợp trong Hệ thống phân tích hiển thị chỉ số Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hiện tại việc giám sát đang được thực hiện trong nhiều lĩnh vực thuộc chức năng nhiệm vụ của Bộ như: Đầu tư công, giám sát đầu tư, việc triển khai nhiệm vụ của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, trong việc báo cáo điện tử các cấp, trong an toàn, an ninh mạng, trong tích hợp dữ liệu,....

5.6. Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp:

Hiện tại Bộ đang trong quá trình tích hợp nền tảng trợ lý ảo vào các ứng dụng chuyên ngành (Đấu thầu, Đầu tư công,...) cũng như các ứng dụng nội bộ phục vụ cán bộ, công chức, viên chức giúp mỗi người có một trợ lý trên điện thoại di động phục vụ hỏi - đáp công việc. Nền tảng trợ lý ảo có thể tích lũy tri thức về các lĩnh vực chuyên ngành, tri thức về văn bản quy phạm pháp luật, tri thức về số liệu thống kê v.v..., thông qua đó, triển khai Nền tảng trợ lý ảo giúp cán bộ, công chức, viên chức rút ngắn thời gian tìm hiểu tri thức, nâng cao hiệu quả công việc, tích lũy tri thức làm việc và chuyển giao tri thức một cách dễ dàng.

a) *Nền tảng dữ liệu số của ngành:*

Bộ đã triển khai các nền tảng dữ liệu số của ngành như báo cáo tài mục 4 nêu trên. Ngoài những CSDL đã báo cáo ở trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư còn có những CSDL sau:

- *Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc:* 100% các đơn vị thuộc Bộ đã triển khai gửi, nhận văn bản điện tử. Năm 2023, Hệ thống phiên bản mới đã được triển khai thay cho phiên bản cũ đối với cả phiên bản trên web và di động, các đơn vị thuộc Bộ đã triển khai gửi, nhận văn bản điện tử ứng dụng chữ ký số

⁵ <https://quantriso.mpi.gov.vn/>

trên hệ thống. Hiện tại, Hệ thống có khoảng 7.700 người sử dụng. Số văn bản điện tử của Bộ gửi qua hệ thống trong năm 2023 là 20.526 văn bản.

- *Hệ thống thư điện tử*: Nâng cấp hệ thống thư điện tử và triển khai đến 100% các đơn vị thuộc Bộ.

- *Hệ thống Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử*: Hệ thống đã triển khai xây dựng trong năm 2023, hoàn thiện các chức năng cơ bản đáp ứng yêu cầu của quy định pháp luật và chuyển đổi dữ liệu từ Hệ thống cũ sang Hệ thống mới. Dự kiến sẽ triển khai chính thức trong Quý I năm 2024 để hỗ trợ các nghiệp vụ liên quan về lưu trữ điện tử.

- *Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Bộ*: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hồ sơ, cán bộ. Bộ đã thực hiện chia sẻ thông tin chung của 7094 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của Bộ với CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức và đang tiếp tục triển khai chia sẻ đối với các thông tin khác (về đào tạo, bồi dưỡng; diễn biến lương; quá trình công tác; khen thưởng, kỷ luật;...) theo yêu cầu từ phía Bộ Nội vụ.

- *Hệ thống thông tin báo cáo*: Triển khai thực hiện điện tử hóa các chế độ báo cáo được giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định số 293/QĐ-TTg. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có 101 chỉ tiêu (trên tổng số 200 chỉ tiêu), gồm 259 báo cáo, tình hình thực hiện đến nay như sau: Số chỉ tiêu báo cáo đã có dữ liệu và được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia là 56 chỉ tiêu (92 báo cáo) đạt tỷ lệ 55,4%; Triển khai thực hiện điện tử hóa biểu mẫu điện tử của chế độ báo cáo theo Thông tư số 19/2022/TT-BKHĐT quy định chế độ báo cáo thống kê ngành kế hoạch, đầu tư (12/57 biểu mẫu báo cáo).

- *Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của Bộ⁶*: Đã triển khai Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị liên thông với Hệ thống phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công quốc gia, và chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công của Bộ, Cổng thông tin điện tử của Bộ để đảm bảo tiếp nhận đầy đủ phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp từ các nguồn khác nhau và thực hiện trả lời, công khai kết quả xử lý phản ánh kiến nghị một cách kịp thời.

- *Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính⁷*: Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ đã được triển khai, là sự hợp nhất của Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa điện tử của Bộ. Hiện tại, Hệ thống đang cung cấp thông tin của 227 thủ tục hành chính (trong đó có 58 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 05 dịch vụ công trực tuyến một phần và cung cấp 164 thông tin trực tuyến). Hệ thống đã được kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Hệ thống chuyên ngành (đầu thầu, đăng ký kinh doanh,...).

- *Hệ thống theo dõi các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao*: Đồng bộ danh sách nhiệm vụ với VPCP hằng ngày; thực hiện việc cập nhật tình hình nhiệm vụ trên Hệ thống của VPCP, đồng bộ với Hệ thống của Bộ; trong năm

⁶ <https://pakn.mpi.gov.vn/>

⁷ <https://dichvucong.mpi.gov.vn>

đã đồng bộ và cập nhật 668 nhiệm vụ từ VPCP về Bộ và tình hình thực hiện nhiệm vụ từ Bộ sang VPCP 885 lượt.

b) Nền tảng học trực tuyến: Bộ KH&ĐT đã triển khai các nền tảng học trực tuyến sau đây:

- Nền tảng học trực tuyến miễn phí cho doanh nghiệp tại địa chỉ <https://elearning.business.gov.vn/> với hệ thống bài giảng trực tuyến phong phú về nội dung, bao trùm các vấn đề trọng yếu đối với doanh nghiệp như bán hàng, tiếp thị, tài chính, kế toán, nhân sự, sản xuất, tư duy chiến lược và kỹ năng lãnh đạo.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã mở khóa học “An toàn Internet” trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà của Bộ Kế hoạch và Đầu tư⁸.

5.7. Các hệ thống nền tảng đặc thù, dùng chung cho các ứng dụng của ngành

a) Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về đầu tư công:

Được xây dựng, triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư công, bao gồm việc tổng hợp, báo cáo, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; theo dõi, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công; quản lý, lưu trữ, công khai dữ liệu theo quy định. CSDLQG về đầu tư công là tập hợp thông tin cơ bản về chương trình, dự án và kế hoạch đầu tư công được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử. Hiện tại hệ thống đã đáp ứng được các yêu cầu cốt lõi của nghiệp vụ quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan, tuy nhiên chưa đáp ứng được các yêu cầu tiện ích để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đầu tư công tại Bộ.

b) Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư:

- Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư đã được xây dựng và triển khai trên toàn quốc, tập trung tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để cập nhật, lưu trữ thông tin, giám sát, đánh giá, phân tích, công khai thông tin theo quy định về các chương trình, dự án đầu tư trên toàn quốc.

- Hệ thống đã xây dựng công cụ để các chủ đầu tư, cơ quan quản lý thực hiện việc cập nhật thông tin, báo cáo thay thế báo cáo hành chính bằng giấy. Nhiều cơ quan đã triển khai và thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư, cập nhật các quy định mới, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc, các chủ đầu tư cập nhật số liệu tổng hợp, tình hình thực hiện các dự án đầu tư vào Hệ thống. Việc cập nhật số liệu vào Hệ thống góp phần từng bước nâng cao chất lượng công tác giám sát, đánh giá đầu tư, giảm bớt khối lượng báo cáo giấy, hướng đến mục tiêu các thông tin của các chương trình, dự án sử dụng vốn nhà nước sẽ được đăng tải trên mạng internet theo quy định để các tổ chức, cá nhân và xã hội tra cứu và cùng giám sát, đánh giá.

c) Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu

⁸ <https://bokehoachdautu.mobiedu.vn>

quốc gia giúp quản lý chương trình mục tiêu quốc gia trên toàn quốc. Đã xây dựng chức năng Báo cáo dự kiến kế hoạch CTMTQG năm 2024 để các bộ, ngành, địa phương dự kiến kế hoạch năm 2024 và chủ trương trình có thể tổng hợp kết quả báo cáo của bộ, ngành, địa phương; chức năng báo cáo Sơ kết 03 năm thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 để các bộ, ngành, địa phương báo cáo, chủ trương trình và Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát. Hệ thống hiện tại chỉ đáp ứng được các chức năng báo cáo, chưa thực sự là một hệ thống đồng bộ, thống nhất, quản lý tập trung như yêu cầu của quản lý nhà nước về CTMTQG.

d) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:

- Là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu để phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp. CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp.

- Hiện tại, CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp lưu trữ dữ liệu của gần 1,9 triệu doanh nghiệp (khoảng 900 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động), bao gồm doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán. Thông tin trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp được cập nhật liên tục theo thời gian thực trên cơ sở thông tin doanh nghiệp kê khai và liên thông nghiệp vụ thời gian thực với Hệ thống đăng ký thuế.

- Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã tiếp nhận và xử lý 931.880 hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, trong đó 149.577 hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp; tổng số lượt trao đổi dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương là 40 triệu lượt. Ngoài ra, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã kết nối, chia sẻ dữ liệu 02 chiều với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, từ ngày 01/01/2023, đến nay đã thực hiện trao đổi 601.700 giao dịch xác thực và chia sẻ thông tin về đăng ký doanh nghiệp. Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là trang thông tin điện tử để các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng, truy cập thông tin về đăng ký doanh nghiệp và phục vụ cho công tác cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh.

Hệ thống này được xây dựng đã lâu, hiện tại thiết bị và công nghệ đều đã cũ và lạc hậu.

e) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã:

- Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được đưa vào vận hành từ tháng 5/2019 trên phạm vi toàn quốc. Hiện nay, Cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã đã cơ bản hoàn thiện, trở thành kho dữ liệu có giá trị pháp lý, là thông tin gốc về hợp tác xã. Việc cập nhật dữ liệu đăng

ký hợp tác xã liên tục theo thời gian thực ở 63 tỉnh/thành phố trên cả nước vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã và hoạt động kết nối, chia sẻ, đối soát thường xuyên với Cơ sở dữ liệu của ngành thuế được triển khai có hiệu quả, cho phép nắm bắt được thông tin cập nhật hàng ngày về tình hình đăng ký hợp tác xã trên cả nước. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để thực hiện hợp nhất thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong một quy trình đăng ký hợp tác xã duy nhất, giúp các hợp tác xã tiết kiệm được thời gian, chi phí. Tính đến thời điểm hiện tại, dữ liệu của 26.413 hợp tác xã đã được lưu trữ, quản lý trên Hệ thống.

- Với việc đưa vào vận hành Hệ thống thì quy trình, thủ tục đăng ký hợp tác xã được đã được điện tử hóa, công khai trên môi trường mạng và áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc giúp cho các tổ chức, cá nhân dễ dàng hơn trong việc tìm hiểu cũng như chuẩn bị các thủ tục đăng ký hợp tác xã. Đồng thời, Hệ thống cho phép cán bộ tại 713 Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện và cán bộ tại 63 Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư các địa phương có thể thực hiện các thủ tục hành chính về đăng ký hợp tác xã trên Hệ thống.

g) *Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh*: Hệ thống thông tin đăng ký hộ kinh doanh được xây dựng dựa trên nền tảng pháp lý của Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hệ thống được đưa vào vận hành từ tháng 7/2023 với mục đích để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu hộ kinh doanh để phục vụ công tác đăng ký hộ kinh doanh. Hiện nay, Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh chứa khoảng 2,4 triệu hộ kinh doanh đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, từ ngày 01/7/2023 đến hết năm 2023 có khoảng gần 240 nghìn hộ kinh doanh thành lập mới.

h) *Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư*: là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn để theo dõi, đánh giá, phân tích tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ nhà đầu tư trong việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh. Hệ thống bao gồm các phân hệ về quản lý dự án đầu tư trong nước, quản lý các dự án đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, quản lý các dự án đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài, xúc tiến đầu tư, hệ thống báo cáo. CSDLQG về đầu tư là tập hợp dữ liệu về các dự án đầu tư trên phạm vi toàn quốc có kết nối với hệ thống CSDL của các cơ quan liên quan. Hệ thống này hiện tại trong tình trạng chắp vá, nhiều lỗi hỏng bảo mật, thiết bị cũ, hỏng, công nghệ lạc hậu không đáp ứng yêu cầu.

i) *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia*: là hệ thống thông tin, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu để quản lý thống nhất thông tin về lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng. Hệ thống gồm CSDL chuyên ngành về đấu thầu là tập hợp thông tin liên quan hoạt động đấu thầu được xây dựng, cập nhật và duy trì để lưu trữ thông tin về đấu thầu, phục vụ: quản lý và chia sẻ, sử dụng chung giữa các cơ quan nhà nước.

k) *Hệ thống thông tin và CSDLQG về quy hoạch*: được xây dựng nhằm phục vụ công tác lập quy hoạch, lấy ý kiến về quy hoạch, thẩm định và phê duyệt

quy hoạch, cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch, công bố, cung cấp thông tin về quy hoạch; giám sát, đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch; giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản lý quy hoạch, giải quyết các mâu thuẫn xung đột giữa các ngành trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch; tiết kiệm thời gian và chi phí nhờ cơ sở dữ liệu được cung cấp một cách kịp thời, chính xác. Hệ thống hiện tại chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về quy hoạch.

l) Hệ thống thông tin thống kê: dữ liệu của tất cả các cuộc điều tra và Tổng điều tra được xử lý trên môi trường số, trong đó 84% số cuộc điều tra đã được ứng dụng phiếu điều tra điện tử và thực hiện giám sát chất lượng số liệu điều tra trên hệ thống trực tuyến (webform).

- Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử: đã được phê duyệt Chủ trương đầu tư và đang thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và trình Bộ trưởng phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi. Kết quả dự án gồm: hệ thống thu thập và xử lý kết quả điều tra lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản bằng phiếu điều tra điện tử; hệ thống sản xuất niên giám thống kê điện tử; hệ thống phổ biến thông tin thống kê tổng hợp.

- Kho dữ liệu đặc tả thống kê và hệ thống kho dữ liệu thống kê vi mô: đã được phê duyệt Chủ trương đầu tư và đang thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư. Kết quả dự án gồm là 02 cơ sở dữ liệu nhằm sử dụng thống nhất dữ liệu thống kê.

m) Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp: Đang trong quá trình nghiên cứu, xây dựng.

n) Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế: Đang trong quá trình xây dựng.

o) Cổng dữ liệu⁹: Hiện cổng dữ liệu mở của Bộ được công khai, miễn phí cho tất cả người dân và doanh nghiệp sử dụng. Cung cấp các dữ liệu theo Quyết định số 1814/QĐ-BKHĐT và Quyết định số 1349/QĐ-BKHĐT ngày 02/8/2023.

- Quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu:

+ Quản lý và vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP): Nền tảng đã được xây dựng, phục vụ việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trong nội bộ của bộ, ngành và đóng vai trò là đầu mối kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống bên ngoài, như: Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDL dân cư), cơ sở dữ liệu chuyên ngành (Tabmis), chia sẻ dữ liệu với các địa phương (CSDL đăng ký doanh nghiệp),...

+ Kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và Trục liên thông văn bản quốc gia.

⁹ <https://data.mpi.gov.vn>

+ Triển khai thực hiện chia sẻ dữ liệu giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước theo Quy chế phối hợp chia sẻ dữ liệu đã ký giữa 2 cơ quan¹⁰.

+ Triển khai kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu tại Quyết định số 1498/QĐ-TTg ngày 11/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục phát triển các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo lộ trình của Chính phủ và kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định số 1265/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

6. Về Chuyển đổi số trong quản lý điều hành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- *Phổ cập kỹ năng chuyển đổi số*: 100% công chức viên chức và người lao động được bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

- *Nền tảng Quản trị số tổng thể*: 100% đơn vị ứng dụng.

- *Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành*: 100% văn bản trao đổi có sử dụng chữ ký số, hồ sơ công việc tại cấp Bộ được xử lý trên môi trường mạng đối với các nội dung không mật.

- *Hệ thống Quản lý cán bộ, công chức, viên chức*: 100% hồ sơ cán bộ được lưu trữ trên CSDL và cập nhật thông tin phát sinh.

- *Hệ thống thư điện tử*: 100% công chức, viên chức, lao động hợp đồng và các đơn vị ứng dụng.

- *Hệ thống theo dõi nhiệm vụ*: 100% nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ được theo dõi, cập nhật.

- *Kho dữ liệu tập trung*: Thực hiện tích hợp các dữ liệu hiện có từ các hệ thống của Bộ.

- *Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung*¹¹: Đã triển khai Hệ thống phần mềm phân tích, hiển thị chỉ số, thực hiện phân tích các dữ liệu đầu tư công, đầu tư nước ngoài, đấu thầu, thống kê.

- *Nền tảng chia sẻ tích hợp dữ liệu dùng chung của Bộ*: Được sử dụng phục vụ tích hợp, chia sẻ thống nhất các thông tin dữ liệu giữa các hệ thống của Bộ với nhau và với các cơ quan, bộ ngành, địa phương.

¹⁰ Quy chế phối hợp trao đổi thông tin, dữ liệu giữa Kiểm toán nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 1485/QC-KTNN-BKHĐT; Quy chế phối hợp trao đổi thông tin, dữ liệu giữa Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 11260/QCPH-BTC-BKHĐT)

¹¹ <https://hienthichiso.mpi.gov.vn>

- *Nền tảng họp trực tuyến*¹²: Đã triển khai, phục vụ các cuộc họp nội bộ, trong nước và quốc tế.

- *Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước*: Triển khai trong các lĩnh vực đầu tư công, giám sát đầu tư, đấu thầu, đăng ký kinh doanh, đầu tư nước ngoài, việc triển khai nhiệm vụ của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo, và trong An toàn, an ninh mạng.

- *Hệ thống điểm danh tích hợp*: Đã triển khai, phục vụ việc điểm danh tích hợp kiểm soát vào ra.

- *Phổ cập kỹ năng chuyển đổi số*: 100% công chức viên chức và người lao động được bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

- *Đánh giá chỉ số Chuyển đổi số của Bộ*: 100% các đơn vị được đánh giá kết quả chuyển đổi số năm 2022 và đã có thông báo gửi các đơn vị thuộc Bộ. Năm 2023 đang trong quá trình báo cáo Lãnh đạo Bộ.

7. An toàn thông tin mạng

Thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Bộ đã ban hành Kế hoạch bảo đảm an toàn, an ninh mạng tổng thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia tại Quyết định 1632/QĐ-BKHĐT ngày 02/10/2023. Các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng của Bộ hoạt động ổn định, an toàn trong năm 2023, cụ thể:

a) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo cấp độ.

Số lượng hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý 38:

- Số lượng HTTT cấp độ 2: 21, đã phê duyệt HSĐXCĐ: 21/21
- Số lượng HTTT cấp độ 3: 15, đã phê duyệt HSĐXCĐ: 15/15
- Số lượng HTTT cấp độ 4: 02, đã phê duyệt HSĐXCĐ: 02/02

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang tổ chức thực hiện phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ cập nhật theo yêu cầu tại Thông tư 12/2022/TT-BTTTT.

b) Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng:

- Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyên trách an toàn, an ninh mạng và các đơn vị chủ quản hệ thống tin đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo quy định, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg.

- Các hệ thống thông tin đều được kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh trước khi đưa vào sử dụng, đối với các phần mềm nội bộ phát triển mới tuân thủ theo khung phát triển phần mềm an toàn.

¹² <https://lichhop.mpi.gov.vn>

c) Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động: Đối với cán bộ công chức, viên chức và người lao động việc tuyên truyền được thực hiện thông qua đào tạo, thông qua hệ thống thông tin tổng thể (Trong năm 2023, đã đăng 195 bài trong chuyên mục An toàn thông tin của Hệ thống thông tin tổng thể của Bộ).

- Bộ đã cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về an toàn thông tin năm 2023 trong khuôn khổ Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025” (theo Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ)¹³.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức Lớp bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cơ bản; kỹ năng bảo mật thông tin trên môi trường mạng và Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư¹⁴.

d) Xây dựng, quản lý vận hành Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng của Bộ. Chia sẻ thông tin giám sát an toàn, an ninh mạng theo quy định

- Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giám sát với hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng quốc gia do Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và truyền thông xây dựng.

- Đơn đốc các đơn vị triển khai hệ thống kết nối, chia sẻ thông tin giám sát tập trung cho hệ thống và thực hiện chia sẻ thông tin giám sát cho hệ thống kết nối, chia sẻ thông tin giám sát của Bộ.

- Phòng chống mã độc tập trung và chia sẻ thông tin mã độc:

+ Duy trì kết nối chia sẻ thông tin mã độc với Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và truyền thông.

+ Đơn đốc các đơn vị triển khai hệ thống phòng chống mã độc tập trung cho hệ thống thông tin do mình quản lý, vận hành; thực hiện chia sẻ thông tin mã độc cho hệ thống tổng hợp, chia sẻ thông tin mã độc của Bộ.

đ) Kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh mạng tại các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ

- Thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2023 tại các đơn vị thuộc Bộ theo Quyết định số 1906/QĐ-BKHĐT ngày

¹³ 01 cán bộ tham gia Khóa đào tạo về An toàn thông tin cho lãnh đạo quản lý theo chương trình Certified Chief Information Security Officer (C|CISO) (ECCouncil); 01 cán bộ tham gia khóa đào tạo kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho hạ tầng mạng theo chương trình CND (Certified Network Defender); 01 cán bộ tham gia khóa đào tạo về kỹ thuật phân tích bảo mật theo chương trình CySA+ (Cybersecurity Analyst/CompTIA).

¹⁴ 01 lớp tại Bộ cho CCVC của Bộ; 03 lớp tập huấn công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các lãnh đạo và nhân sự phụ trách công nghệ thông tin của các đơn vị địa phương trong toàn bộ ngành Thống kê (lớp 1 từ ngày 28-30/8/2023 tại TP. Hà Nội, lớp 2 từ ngày 21-23/8/2023 tại TP. Hồ Chí Minh, lớp 3 từ ngày 24-26/8/2023 tại TP. Đà Nẵng).

24/11/2022; Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn hệ thống thông tin dùng chung của Bộ.

- Phối hợp với Tổ công tác liên ngành Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

e) Phối hợp với các cơ quan nhà nước xử lý, ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng; Điều phối, diễn tập ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng

- Tổ chức cho Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của Bộ (thành lập theo quyết định 2404/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2022) tham gia diễn tập ứng cứu sự cố APCERT năm 2023 với chủ đề "Digital Supply Chain Redemption – Mua ứng dụng qua chuỗi cung ứng số" do Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức vào ngày 16/8/2023.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng từ ngày 07-14/11/2023.

g) Xây dựng và vận hành Cổng an toàn, an ninh mạng của Bộ

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang triển khai xây dựng Cổng an toàn, an ninh mạng của Bộ là nơi cung cấp các thông tin về an toàn, an ninh mạng của Bộ.

III. Đánh giá ưu điểm, hạn chế, bài học kinh nghiệm

1. Ưu điểm

Bộ đã tập trung việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, nhằm cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai, xây dựng phát triển Chính phủ điện tử thông qua việc hoàn thiện khung pháp lý tạo nền tảng cho chuyển đổi số trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ như thống kê, đầu tư công, đấu thầu, doanh nghiệp, đầu tư, quy hoạch, hợp tác xã¹⁵,...

¹⁵ Luật Quy hoạch; Luật Đầu tư công Luật Đầu tư, Luật Hợp tác xã, Luật Đấu thầu các nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan; Quy chế quản lý thống nhất hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ (Quyết định số 125/QĐ-BKHĐT ngày 25/01/2011); Quy chế quản lý vận hành và khai thác sử dụng mạng máy tính của Bộ (Quyết định số 2318/QĐ-BKH ngày 31/12/2010); Quy chế quản lý vận hành và sử dụng Hệ thống thư điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 1338/QĐ-BKH ngày 24/9/2009); Quy chế hoạt động Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 910/QĐ-BKH ngày 03/7/2009); Quy chế Quản lý vận hành và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 1612/QĐ-BKHĐT ngày 26/10/2011); Quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 1149/QĐ-BKHĐT ngày 26/8/2013); Quy chế phối hợp trao đổi thông tin, dữ liệu giữa Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quy chế số 11260/QCPh-BTC-BKHĐT ngày 17/9/2018); Quy chế Quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 603/QĐ-BKHĐT ngày 12/5/2021); Quy chế kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 1682/QĐ-BKHĐT ngày 22/12/2021); Quy định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 915/QĐ-BKHĐT ngày 10/5/2022); Quy chế phối hợp trao đổi thông tin, dữ liệu giữa Kiểm toán nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quy chế số 1485/QC-KTNN-BKHĐT ngày 06/12/2022); Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 2113/QĐ-BKHĐT ngày 29/01/2023); Quy chế quản lý, vận hành và khai thác, sử dụng Hệ thống Camera giám sát an ninh tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 312/QĐ-BKHĐT ngày 14/3/2024); Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 1318/QĐ-BKHĐT ngày 03/6/2024).

Nhờ đó, đã đạt được những kết quả quan trọng làm nền tảng trong triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động chỉ đạo điều hành của Bộ và phát triển kinh tế xã hội. Cụ thể là:

Thứ nhất: Thúc đẩy chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Bộ đã ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp, người dân thông qua việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và các hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Công tác hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số tiếp tục được triển khai theo hướng chuyển dịch từ nâng cao nhận thức trên diện rộng sang hỗ trợ chuyên sâu, hỗ trợ có trọng tâm trọng điểm theo các ngành lĩnh vực, kết quả: hơn 13.000 doanh nghiệp tại 63 địa phương được đào tạo trực tiếp; phối hợp với các tổ chức quốc tế tổ chức các khoá đào tạo chuyên sâu về chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp, xây dựng, quản lý chuỗi cung ứng trong ngành nông nghiệp tại một số địa phương; đã hỗ trợ tư vấn chuyên sâu cho khoảng 380 doanh nghiệp nhằm xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi số. Đồng thời, Bộ đã phối hợp với các tổ chức quốc tế hỗ trợ tư vấn 1-1 tại các doanh nghiệp để xây dựng giải pháp ứng dụng công nghệ cải tiến áp dụng vào quy trình quản trị, sản xuất của doanh nghiệp hướng tới mục tiêu hỗ trợ khoảng 100 doanh nghiệp thành công vào cuối năm 2025; Bộ tiếp tục phối hợp với Bộ TTTT xây dựng mạng lưới tư vấn viên để phát triển hệ sinh thái số cho doanh nghiệp với khoảng 110 chuyên gia chuyển đổi số. Bộ đã hoàn thiện và công bố Báo cáo thường niên chuyển đổi số doanh nghiệp 2023 với chủ đề “Thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh” vào tháng 4/2024.

Thứ hai: Triển khai chuyển đổi số phục vụ hoạt động chuyên ngành của ngành kế hoạch và đầu tư, thống kê tập trung vào các nền tảng: (1) Chuyển đổi số trong quản lý đầu tư, đầu tư công (2) Chuyển đổi số trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư, đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã (3) Chuyển đổi số trong lựa chọn nhà thầu, mua sắm công (4) Chuyển đổi số trong lĩnh vực thống kê...

Thứ ba: Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu quốc gia

Bộ đã đẩy mạnh việc chia sẻ dữ liệu, đặc biệt là với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã kết nối chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh tại 63 tỉnh/thành phố, Cổng Dịch vụ công quốc gia,...; Bộ đã triển khai việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức với hơn 7.000 hồ sơ công chức, viên chức, người lao động của Bộ.

Thứ tư: Chuyển đổi số trong nội bộ được ưu tiên thông qua ứng dụng CNTT và chuyển đổi số: 100% văn bản trao đổi trong Bộ được gửi điện tử có ký số, việc chỉ đạo điều hành của các đơn vị đều thực hiện qua hệ thống điện tử; 100% các hệ thống thông tin có các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số:

- Nhiệm vụ: Tổ chức triển khai nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp về chuyển đổi số; thúc đẩy hệ sinh thái phát triển chuyển đổi số doanh nghiệp, nâng cao năng lực mạng lưới chuyên gia tư vấn chuyển đổi số, kết nối các giải pháp chuyển đổi số:

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang triển khai nhiệm vụ này trong khuôn khổ Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 12/QĐ/BKHĐT ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, Chương trình có 4 mục tiêu đến năm 2025 như sau:

Mục tiêu 1: 100% doanh nghiệp được nâng cao nhận thức về CDS.

Mục tiêu 2: Tối thiểu 100.000 doanh nghiệp được nhận các hỗ trợ từ Chương trình như sử dụng công cụ tự đánh giá mức độ sẵn sàng CDS, hỗ trợ đào tạo, tư vấn, kết nối các giải pháp.

Mục tiêu 3: Tối thiểu 100 doanh nghiệp được hỗ trợ là các thành công điển hình trong CDS, hướng tới các doanh nghiệp sản xuất, chế biến.

Mục tiêu 4: Thiết lập Mạng lưới chuyên gia gồm tối thiểu 100 tổ chức, cá nhân tư vấn thúc đẩy CDS.

Trong năm 2023, Bộ đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số để thực hiện các mục tiêu nêu trên. Tính đến hết năm 2023, Chương trình đã đạt được một số kết quả sau:

(1) Đối với Mục tiêu 1 và 2:

- Đã tổ chức xây dựng Công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, các tài liệu hướng dẫn CDS cho doanh nghiệp nói chung và ở các lĩnh vực cụ thể như sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, chế biến và phân phối thực phẩm, vận tải và logistics; phổ cập kiến thức chuyển đổi số tại 63 tỉnh, thành phố cho hơn 13.000 doanh nghiệp; xây dựng Trang vàng giải pháp CDS doanh nghiệp, là cơ sở dữ liệu đầu tiên gồm nhiều thông tin hữu ích về các giải pháp CDS cho doanh nghiệp phổ biến tại Việt Nam hiện nay, công bố và kết nối tới cộng đồng doanh nghiệp.

- Toàn bộ các công cụ, các tài liệu, video đào tạo và thông tin các gói hỗ trợ chuyển đổi số đã được số hóa và đăng tải 24/7 trên Cổng thông tin¹⁶ và phổ biến một cách rộng rãi. Bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể dễ dàng truy cập, tiếp cận các thông tin, tài liệu, kiến thức, kết nối mạng lưới chuyên gia, giải pháp công nghệ số và thông tin hỗ trợ của Chính phủ về CDS trong doanh nghiệp, đạt hơn 2 triệu lượt truy cập thông tin.

(2) Đối với Mục tiêu số 3: Đã tư vấn cho khoảng 380 doanh nghiệp xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi số, triển khai đào tạo chuyên sâu, trực tiếp tại 28 DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến chế tạo do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ. Theo kế hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp

¹⁶ <https://digital.business.gov.vn>

tục phối hợp với các bên liên quan để đẩy mạnh hỗ trợ chuyên sâu cho các doanh nghiệp, đặc biệt là hỗ trợ ứng dụng các giải pháp CDS trong thời gian tới.

(3) Đối với Mục tiêu số 4:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành mục tiêu này, cụ thể:

- Bộ đã sàng lọc và đào tạo cho Mạng lưới 100 chuyên gia CDS cho doanh nghiệp. Năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục phối hợp với Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) thông qua Trung tâm Chuyển đổi số Việt Nam (DTC-VN) tổ chức đào tạo cho Mạng lưới chuyên gia với sự giảng dạy của chuyên gia quốc tế. Các chuyên gia trong Mạng lưới được cập nhật xu hướng quốc tế, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực tư vấn cho các doanh nghiệp.

d) Đối với nhiệm vụ “Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu xây dựng Đề án về xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài nhà nước trình Chính phủ xem xét, quyết định nhằm mục tiêu quản lý, theo dõi, đánh giá và hỗ trợ doanh nghiệp” (trang 21), đề nghị cập nhật như sau:

Bộ đã ban hành Quyết định số 1700/QĐ-BKHĐT ngày 13/10/2023 về thành lập Tổ công tác triển khai nội dung nêu trên, đồng thời tham mưu Lãnh đạo Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về lộ trình triển khai Đề án và đã được phê duyệt kế hoạch trình Đề án vào tháng 6/2024.

+ Tổ công tác đã tổ chức họp 01 lần để xác định mục tiêu và phương pháp triển khai Đề án, đồng thời cũng tại cuộc họp, các thành viên và chuyên gia cũng chia sẻ thực trạng về một số cơ sở dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp trong một số lĩnh vực bao gồm thuế, tín dụng, bảo hiểm xã hội, sở hữu trí tuệ, đăng ký kinh doanh và một số kinh nghiệm của thế giới về cơ sở dữ liệu mở.

Hiện tại, Bộ đang tổ chức xin ý kiến các đơn vị liên quan góp ý vào dự thảo Đề cương Đề án và phát hành bảng hỏi tới các đơn vị, cơ quan có liên quan để tiến hành khảo sát trong thời gian tới thuộc các lĩnh vực thuế, bảo hiểm xã hội, tín dụng, đăng ký kinh doanh, sở hữu trí tuệ, xuất nhập khẩu và một số lĩnh vực khác.

- Nhiệm vụ: Tiếp tục triển khai và phát triển các nền tảng dữ liệu về đầu tư công, doanh nghiệp, đấu thầu, giám sát và đánh giá đầu tư từ Trung ương đến địa phương:

Các nền tảng dữ liệu ngành được triển khai hiệu quả từ Trung ương đến địa phương. Kết quả cụ thể tại mục 4 nêu trên.

- Nhiệm vụ: Thực hiện hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng phát triển khoa học và công nghệ trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật:

Với vai trò là cơ quan tiên phong, dẫn dắt hoạt động thúc đẩy đổi mới sáng tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

+ Ký Biên bản ghi nhớ giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Việt Nam và Bộ Công thương Singapore về Chương trình Trao đổi Tài năng đổi mới sáng tạo Việt Nam – Singapore;

+ Công bố giải pháp Thách thức Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2023 và công bố chủ đề Chương trình năm 2024;

+ Tổ chức Hội thảo: Phát triển Đổi mới sáng tạo trở thành động lực xây dựng nền kinh tế số trong khuôn khổ Diễn đàn Quốc gia Phát triển Kinh tế số và Xã hội số lần thứ 1;

+ Triển khai các hoạt động giới thiệu về hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ tại tòa nhà NIC Hà Nội (Chương trình tập huấn doanh nghiệp của Digman, Chương trình trao đổi ĐH Kadiri – Indonesia và APD, Đoàn sinh viên của Stanford MBA & Jobhopin, Đại học Mở, Đoàn công tác của Panasonic R&D, Synopsys Singapore,...);

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất, không gian làm việc cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; Khai thác, vận hành Innovation Fablab tại NIC Hà Nội;

+ Triển khai các hoạt động kết nối các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp công nghệ, chuyên gia trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, hỗ trợ hoạt động của các mạng lưới đổi mới sáng tạo tại Châu Âu và Hoa Kỳ;

+ Triển khai các hoạt động truyền thông về hoạt động đổi mới sáng tạo của NIC và hỗ trợ truyền thông các hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp (trên hệ thống hơn 2500 màn hình của Goldsun: tại các tòa nhà, khu đô thị nội đô, sân bay,...);

+ Tổ chức Chương trình Hỗ trợ tăng tốc doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam 2023 (Google for Startups Accelerator Southeast Asia: Việt Nam bứt phá đổi mới) với Lễ phát động diễn ra vào ngày 11/7/2023 tại Hà Nội.

+ Ngày 28/10/2023 đã diễn ra Lễ Khánh thành Cơ sở hoạt động mới của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia kết hợp Khai mạc Triển lãm Quốc tế Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2023 tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, đã ghi dấu mốc quan trọng trong quá trình kiến tạo hệ sinh thái đổi mới sáng tạo Việt Nam.

- Nhiệm vụ: Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu xây dựng Đề án về xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài nhà nước trình Chính phủ xem xét, quyết định nhằm mục tiêu quản lý, theo dõi, đánh giá và hỗ trợ doanh nghiệp:

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các bộ, ngành, chuyên gia liên quan để cử cán bộ tham gia tổ công tác Đề án và xây dựng quyết định thành lập Tổ công tác. Đồng thời, các thành viên tổ công tác đang tích cực phối hợp với các đơn vị có liên quan và chuyên gia đầu ngành và nhiều kinh nghiệm đang nghiên cứu, rà soát và dự thảo Đề cương chi tiết của Đề án.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức GIZ tổ chức Hội thảo “Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp: Mục tiêu, định hướng và cơ chế phối hợp” trong 02 ngày 03-04/11/2023 tại Quảng Ninh để phục vụ việc xây dựng Đề án

- Nhiệm vụ: Chủ trì tổng hợp, hướng dẫn, bố trí nguồn kinh phí đầu tư công và nguồn tăng thu để ưu tiên cho các bộ, ngành và hỗ trợ địa phương triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số, triển khai mô hình chuyển đổi số toàn diện điển hình cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã năm 2023: Tiếp tục triển khai theo quy định.

- Nhiệm vụ: đẩy số hóa đối với lĩnh vực quản lý các khu kinh tế (khu công nghiệp, khu chế xuất), bao gồm: Tổ chức Phiên họp, Hội nghị ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất; Báo cáo, đề xuất Kế hoạch ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất; Tổ chức triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất theo Kế hoạch được duyệt.

Nhiệm vụ này đang thực hiện: Để triển khai nhiệm vụ nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành văn bản số 4291/BKHĐT-QLKKT ngày 5/6/2024 về việc triển khai hoạt động chuyển đổi số tại các KCN, KCX gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó đề nghị báo cáo về thực trạng ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN, KCX và kế hoạch, giải pháp để thúc đẩy, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại KCN, KCX. Đến thời điểm hiện tại, Bộ đã nhận được báo cáo của 35 địa phương¹⁷. Trên cơ sở nhận được đầy đủ thông tin và kiến nghị của các địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tổng hợp, báo cáo Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số về nhiệm vụ này.

- Nhiệm vụ: Hoàn thiện và ban hành phương pháp, tiêu chí đo lường chỉ tiêu thống kê về tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GDP và trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam:

Nhiệm vụ này đã hoàn thành: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số. Kết quả biên soạn chỉ tiêu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP chính thức năm 2020-2021, sơ bộ năm 2022 và ước tính năm 2023 đã được Tổng cục Thống kê công bố tại kỳ Họp báo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023. Bộ KHĐT sẽ biên soạn và công bố số liệu chính thức tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP chính thức năm 2022, sơ bộ năm 2023 và ước tính năm 2024 vào cuối năm 2024 theo đúng quy định của Nghị định 94.

Các nhiệm vụ được giao tại Thông báo số 203/TB-VPCP ngày 06/5/2024 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban tại Phiên họp lần thứ 8 ngày 24/4/2024, Bộ được giao 02 nhiệm vụ:

¹⁷ Các địa phương: Bắc Giang; Bạc Liêu; Bình Định; Bình Phước; Bình Thuận; Cà Mau; Đắk Lắk; Đắk Nông; Đồng Tháp; Gia Lai; Hà Nam; Hòa Bình; Hưng Yên; Kon Tum; Lâm Đồng; Lạng Sơn; Lào Cai; Nam Định; Ninh Bình; Phú Thọ; Quảng Bình; Quảng Nam; Quảng Ngãi; Quảng Trị; Thái Nguyên; Thanh Hóa; Thừa Thiên-Huế; Tiền Giang; Trà Vinh; Vĩnh Long; Vĩnh Phúc; Yên Bái; Cần Thơ; Đà Nẵng; Hải Phòng.

(1) Trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 5/2024 ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”.

Nhiệm vụ này đang thực hiện: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện Đề án và trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 4068/TTr-BKHĐT ngày 28/5/2024. Ngày 03/7/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có báo cáo số 5162/BC-BKHĐT gửi Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long về Đề án này.

(2) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông sớm hoàn thiện và ban hành phương pháp, tiêu chí đo lường chỉ tiêu thống kê về tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GDP và trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam, kết nối hệ thống đo lường các chỉ tiêu thống kê của Trung ương và địa phương. Đối với nhiệm vụ này Bộ đã thực hiện như sau: *Nhiệm vụ này đã hoàn thành*

2. Tồn tại, hạn chế

Các yêu cầu về triển khai Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số cũng như các hoạt động chuyển đổi số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng được triển khai mạnh mẽ với nhiều mục tiêu cao tuy nhiên các quy định pháp luật, các nguồn lực đầu tư, mua sắm và nguồn nhân lực còn chưa tương xứng. Hiện tại nhiều lĩnh vực chưa được đầu tư để chuyển đổi số, nhiều lĩnh vực đã làm vẫn chưa đáp ứng hoặc đã quá cũ và lạc hậu. Cụ thể:

(1) *Trung tâm dữ liệu:* Được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2010, đến nay các công nghệ đã lạc hậu, thiết bị hết khấu hao thậm chí hỏng không thể sử dụng vì thế nguy cơ gây mất an toàn cho các hệ thống thông tin, CSDL đang chạy trong TTDL là lớn.

(2) *Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư:* Hệ thống được đưa vào hoạt động từ năm 2015 đến nay đã phát sinh nhiều bất cập, hạn chế về kỹ thuật, hạ tầng công nghệ lạc hậu, hệ thống không được nâng cấp dẫn đến tính năng chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn và những quy định mới của Luật Đầu tư. Trong thời gian gần đây, hệ thống thường xuyên phát sinh các lỗi kỹ thuật làm ảnh hưởng đến hoạt động đăng ký đầu tư, báo cáo đầu tư trực tuyến trên hệ thống của các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đặc biệt, hệ thống hiện tồn tại nhiều lỗ hổng bảo mật, bị tin tặc tấn công khai thác nhiều lần gây mất an toàn cho hệ thống nói riêng và các hệ thống khác cùng hoạt động trong TTDL nói chung.

Đây là hệ thống phục vụ người dân và doanh nghiệp quan trọng trong đó có chuỗi dịch vụ công quan trọng liên qua tới cấp phép đầu tư cho các nhà đầu tư trong nước, các nhà đầu tư nước ngoài và cho nhà đầu tư ra nước ngoài.

(3) *Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế:* Căn cứ Quyết định số 2172/QĐ-BKHĐT ngày 14/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số được giao nhiệm vụ “Xây dựng Hệ thống thông tin về khu công nghiệp, khu kinh tế”. Theo quy định

tại Điều 47: Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế: Xây dựng hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế:

- Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế được xây dựng tập trung, thống nhất theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đảm bảo kết nối giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên môi trường mạng để phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin về khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Các thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế là thông tin, cơ sở dữ liệu được số hóa, kết nối với hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Tuy nhiên đến nay Hệ thống này chưa được đầu tư xây dựng, hiện nay đã được đưa vào một trong các Hệ thống phải thực hiện phục vụ Đề án 06.

(4) *Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kinh tế tập thể*: Tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Khoản 1 Điều 13, Luật Hợp tác xã năm 2023 quy định Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã bao gồm: cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã; cơ sở dữ liệu về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; cơ sở dữ liệu liên quan và hạ tầng kỹ thuật hệ thống; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/2/2023 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn đều đã có yêu cầu xây dựng Hệ thống để:

- Xây dựng được Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kinh tế tập thể phục vụ công tác quản lý nhà nước, tăng cường chuẩn hóa và tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và hiệu quả của lĩnh vực kinh tế tập thể.

- Có cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cung cấp thông tin cho việc nghiên cứu xây dựng pháp luật, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, cơ chế và chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

- Xây dựng các hệ thống trực tuyến phục vụ quản lý các tổ chức kinh tế tập thể, phục vụ công tác quản lý chính sách, cơ chế, nguồn lực đầu tư cho kinh tế tập thể tại các Bộ, ngành, địa phương.

- Phát triển và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý từ Trung ương đến địa phương để thu thập, cập nhật và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về kinh tế tập thể.

Tuy nhiên đến nay Hệ thống này chưa được đầu tư xây dựng, đây cũng là Hệ thống cần kết nối chia sẻ với CSDL dân cư thuộc Đề án 06.

(5) *Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công*: Hệ thống được đầu tư xây dựng vào sử dụng năm cơ bản đáp ứng các yêu cầu cốt lõi về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư công trên toàn quốc. Tuy nhiên các yêu cầu về chức năng hệ thống theo yêu cầu mới nhất của Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân tại Văn bản ngày 05/7/2024 (với 96 trang phụ lục chức năng cần có) là rất nhiều chức năng mở rộng không có trong phạm vi Dự án. Mặt khác, theo thời gian các yêu cầu về quản lý nhà nước trong lĩnh vực này luôn thay đổi nhanh để đáp ứng sự phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, hiện tại Bộ đang chủ trì tiến hành sửa Luật, theo đó các chức năng cốt lõi cũng thay đổi theo. Vì vậy dẫn đến Hệ thống vừa đưa vào sử dụng nhưng vẫn chưa đủ chức năng đáp ứng các yêu cầu thực tiễn và quy định đang sửa.

(6) *Về hệ thống an toàn an ninh mạng*: Hầu hết các thiết bị, công nghệ, bản quyền để đảm bảo ATANM đều lạc hậu hoặc hết giấy phép cập nhật trong khoảng 3-5 năm, 100% là các sản phẩm nhập khẩu của nước ngoài. Vì vậy luôn luôn thường trực nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng.

(7) *Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức*: Hệ thống được đưa vào sử dụng từ năm 2013, hiện thiết bị đã hỏng, phần mềm, công nghệ lạc hậu không đáp ứng các tính năng theo quy định mới, không thể tự động tích hợp với CSDL quốc gia do Bộ Nội vụ chủ trì.

(8) *Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về Chương trình mục tiêu quốc gia*: Hiện hệ thống đã được xây dựng một số phân hệ báo cáo đơn lẻ hằng năm, chỉ đáp ứng được các chức năng báo cáo, chưa thực sự là một hệ thống đồng bộ, thống nhất, quản lý tập trung như yêu cầu của quản lý nhà nước về CTMTQG.

(9) *Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch*: Hiện Hệ thống đã được tự xây dựng nhưng chưa đáp ứng các yêu cầu theo quy định. Trước đây, khi chưa có các quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch nói chung, công tác lập và quản lý quy hoạch ở hầu hết các cơ quan trung ương, địa phương được quản lý theo cách thức thủ công. Dữ liệu quy hoạch được lưu trữ rời rạc, phân mảnh ở nhiều định dạng: báo cáo giấy, file bản vẽ, file văn bản, bảng tính... dẫn tới việc tra cứu, truy xuất thông tin gặp nhiều khó khăn cũng như không phát huy được hết giá trị của dữ liệu, không hỗ trợ ra quyết định trong việc dự báo, hoạch định chính sách.

Bên cạnh đó, các thông tin về quy hoạch vẫn còn thiếu tính minh bạch, chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến của cộng đồng. Theo đó, việc số hóa các thông tin về quy hoạch sẽ góp phần giảm thiểu các thủ tục hành chính và giúp cho người dân có thể nắm bắt nhanh chóng, kịp thời các thông tin liên quan đến đồ án quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, tỉnh... Dựa vào hệ thống cơ sở dữ liệu đã được số hóa, sẽ giúp cho các thông tin về quy hoạch được công khai, minh bạch. Qua đó, người dân cũng có thể đóng góp ý kiến của mình đối với những đồ án, thiết kế có tác động trực tiếp đến đời sống và lợi ích kinh tế.

(10) *Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ*: Hệ thống đã được triển khai, tuy nhiên đối với Hệ thống này, sau khi triển khai đã có thêm

nhiều văn bản chỉ đạo, đặc biệt đối với việc kết nối, chia sẻ dữ liệu và nâng cấp để đáp ứng theo yêu cầu của Đề án “phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06), cụ thể như:

- Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo. Trong đó có nhiệm vụ: “Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ”;

- Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp. Theo đó có nhiệm vụ “Trước ngày 15 tháng 12 năm 2023, hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia”.

- Văn bản số 936/BTTTT-NEAC ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn tích hợp tính năng ký số vào cổng dịch vụ công (thực hiện theo Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ).

Do đó, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ cần phải bổ sung chức năng để đáp ứng việc kết nối với Kho dữ liệu điện tử, Cổng Dịch vụ công quốc gia (bao gồm cả nền tảng thanh toán trực tuyến), Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (eSign) cũng như bổ sung tiện tích cho người dân (ký số, sử dụng mini app trên zalo,...).

(11) *Thực hiện nhiệm vụ “Liên thông nhóm thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh và Đăng ký thuế”*: được giao tại Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ để thực hiện liên thông nhóm thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh và đăng ký thuế¹⁸; Triển khai ứng dụng đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử trên phạm vi toàn quốc, đăng nhập một lần Single Sign On và đồng bộ hồ sơ lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Cổng DVCQG); Kết nối, chia

¹⁸ Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT

sẽ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa hoàn thành việc tích hợp thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG do Cổng DVCQG hiện tại chỉ cho phép mỗi bộ, ngành cấu hình kết nối với 01 hệ thống duy nhất.

3. Bài học kinh nghiệm

- *Quyết tâm chính trị cao*: Nỗ lực lớn, hành động quyết liệt với tầm nhìn chiến lược và lộ trình cụ thể; phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu.

- *Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ*: Xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, nhất là đối với các đề án quy mô lớn, liên ngành. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc cho địa phương, cơ sở.

- *Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm*: Phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích, minh bạch hóa và tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia, nhất là các dịch vụ công trực tuyến, xây dựng niềm tin của người dân về cải cách hành chính nhà nước.

- *Xác định và tháo gỡ "điểm nghẽn"*: Tập trung giải quyết các vướng mắc về hạ tầng công nghệ, nhân lực, dữ liệu, bảo mật an toàn. Pháp luật cần đi trước một bước; dữ liệu gốc cần được chia sẻ, kết nối để tạo giá trị, tiết kiệm, tránh lãng phí.

- *Bảo đảm nguồn lực*: Bố trí kinh phí, tháo gỡ khó khăn, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

PHẦN III: NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. Quan điểm, nguyên tắc

1. Quan điểm

a) Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số

Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số: Chuyển đổi số tại Bộ là chuyển đổi nhận thức của cán bộ và người dân theo hướng phát triển kinh tế số; xác định người dân, doanh nghiệp là chủ thể, trung tâm để thực hiện chuyển đổi số.

b) Thể chế và công nghệ là động lực của chuyển đổi số

Thể chế cần phải đi trước một bước khi có thể. Chính phủ kiến tạo thể chế, chính sách nhằm sẵn sàng chấp nhận và thử nghiệm cái mới một cách có kiểm soát; hình thành văn hóa chấp nhận và thử nghiệm cái mới; làm điểm, làm nhanh, sau đó đánh giá và nhân rộng; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo.

c) Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả

d) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt

Để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số. Mọi thiết bị, sản phẩm, phần mềm, hệ thống thông tin, dự án đầu tư về công nghệ thông tin đều có cấu phần bắt buộc về an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế.

đ) Chuyển đổi căn bản, toàn diện

- Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê. Chuyển đổi số tại Bộ KH&ĐT là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng, là “động lực” trong phát triển, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, là nhiệm vụ bắt buộc, cấp bách và lâu dài. Trong đó, sự vào cuộc của toàn bộ đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

- Chuyển đổi căn bản, toàn diện toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ, quản lý, điều hành của Bộ KH&ĐT ở các cấp lên môi trường số với mô hình hoạt động được thiết kế, vận hành dựa trên dữ liệu số, sử dụng các công nghệ số nhằm giúp đưa ra quyết định, chính sách kịp thời hơn, tốt hơn và sử dụng nguồn lực tối ưu hơn.

- Chuyển đổi số phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực, chủ động và có trọng tâm, trọng điểm; kế thừa những thành

tự phát triển công nghệ, ứng dụng và dữ liệu số đã có, đi đôi với đổi mới, sáng tạo.

- Dữ liệu số là tài nguyên quan trọng, phải được chia sẻ một cách tối đa trong nội bộ và với bên ngoài theo quy định của pháp luật để phục vụ công tác quản lý, nghiệp vụ của Bộ, ngành với các bộ, ngành khác và Chính phủ.

- Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải phù hợp với định hướng, mục tiêu tổng thể của chiến lược, chương trình chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Nguyên tắc

- Lựa chọn đưa vào đề án các mũi đột phá có phạm vi ảnh hưởng sâu rộng tới ngành, lĩnh vực, địa phương thuộc phạm vi quản lý. Giải quyết các vấn đề này sẽ tạo nên những động lực chính thúc đẩy hoạt động và tạo đột phá trong chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của bộ, ngành và địa phương.

- Các mũi đột phá có thể tập trung vào nội hàm phát triển kinh tế số với 4 trụ cột là công nghiệp công nghệ thông tin, kinh tế số ngành, quản trị số và dữ liệu số hoặc phát triển Chính phủ số, chính quyền số, đô thị thông minh theo nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

- Các vấn đề đưa vào đề án phải cụ thể, tường minh, đo lường được (ưu tiên bằng hình thức trực tuyến thông qua các nền tảng số), phân công nhiệm vụ phải rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả.

- Đề án cần bảo đảm tính khả thi và có thể được triển khai ngay dựa trên nhu cầu thực tiễn và theo khuôn khổ pháp lý hiện hành mà không cần phải sửa đổi thể chế và chính sách.

- Phân định rõ danh mục nhiệm vụ của các đơn vị trong thúc đẩy phát triển, đầu tư xây dựng, tránh chồng chéo, lãng phí.

- Bảo đảm đồng bộ với các chương trình, chiến lược của quốc gia, ngành, lĩnh vực; các nghị quyết, đề án, kế hoạch của bộ, ngành, địa phương về chuyển đổi số để tránh trùng lặp, tối ưu nguồn lực triển khai.

- Có phương án, giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin mạng nhằm hạn chế nguy cơ lộ, mất bí mật nhà nước, thông tin nội bộ và dữ liệu cá nhân người dùng trên không gian mạng.

- Việc xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện đề án phải bảo đảm tuân thủ quy trình thủ tục và nguồn lực thực hiện đề án theo quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

- Đẩy mạnh việc triển khai Chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở cải cách hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, thực hiện chuyển đổi số, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông. Tạo lập kho dữ liệu số Bộ Kế hoạch và Đầu tư đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin và dữ liệu.

- Cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến toàn trình, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Chuyển đổi số để giảm thời gian, số lần trong một năm người dân, doanh nghiệp phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

- Chuyển đổi số phục vụ cơ quan nhà nước.

- Chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Chuyển đổi số công tác thống kê và dự báo tình hình kinh tế - xã hội.

- Chuyển đổi số trong quản lý kế hoạch và dự án đầu tư công để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm chi phí hoạt động; tăng tính công khai, minh bạch trong quản lý kế hoạch đầu tư công, nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý hoạt động và sử dụng vốn đầu tư công từ Trung ương tới địa phương.

- Chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ của Bộ nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động.

- Chuyển đổi số phục vụ trao đổi thông tin, dữ liệu, phục vụ công tác tuyên truyền, truyền thông trên mạng.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nền tảng phát triển Công nghệ thông tin tại Bộ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia trong Bộ, tạo lập môi trường chia sẻ thông tin, dữ liệu của Bộ và các hệ thống thông tin khác.

- Chuyển đổi số nhằm cung cấp công cụ quản lý, chia sẻ dữ liệu và tạo môi trường số để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ, ngành tổ chức, quản lý và điều hành công việc một cách hiệu quả hơn; tăng cường công khai, minh bạch trong công vụ, phòng chống tham nhũng, tiết kiệm chi phí, thời gian, tăng năng suất lao động, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025:

- 100% văn bản được gửi, nhận điện tử trên môi trường mạng (trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 70% hồ sơ lưu trữ được số hóa và lưu trữ điện tử.
- 80% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Bộ, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ do Bộ chủ trì được thực hiện trực tuyến thông qua hệ thống thông tin báo cáo của Bộ và các hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ và được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;
- 100% cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ chủ trì xây dựng, quản lý vận hành được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội;
- 50% hoạt động kiểm tra, giám sát của các đơn vị quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin;
- 100% công chức viên chức và người lao động được phổ cập kỹ năng chuyên đổi, an toàn an ninh mạng.
- 100% các đơn vị thuộc Bộ được đánh giá chuyển đổi số.
- 100% công tác kế toán, quản lý tài sản được thực hiện trên môi trường số.
- 100% công tác theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ giao Bộ, của Lãnh đạo Bộ giao các đơn vị và của các đơn vị được thực hiện trên môi trường số.
- 100% thông tin phản ánh của người dân, doanh nghiệp được quản lý trên môi trường số, được kết nối tích hợp với hệ thống phản ánh, kiến nghị của Chính phủ.
- 50% chế độ báo cáo cấp bộ; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành trong ngành Thống kê từ trung ương đến địa phương được thực hiện trên môi trường số.
- 100% báo cáo giám sát đầu tư của các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty thực hiện trên môi trường số.
- 100% các dịch vụ công được chuyển đổi sử dụng VNeID để xác thực.
- Hoàn thiện kho dữ liệu và nền tảng quản trị số của Bộ.
- 100% các hệ thống thông tin, CSDL được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án được phê duyệt.

- 100% các hệ thống thông tin, CSDL được giám sát và duy trì chia sẻ thông tin giám sát với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- 100% các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được triển khai đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp (Theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 100% các hệ thống thông tin và CSDL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ được xây dựng, hoàn thiện.

- 100% hồ sơ lưu trữ được số hóa và lưu trữ điện tử.

- 100% hồ sơ cán bộ công chức, viên chức được số hóa và đồng bộ với CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 70% hoạt động kiểm tra, giám sát của các đơn vị quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin;

- 100% công tác lập kế hoạch đầu tư công từ trung ương tới địa phương được thực hiện trên môi trường số.

- Tổ chức khai thác, vận hành kho dữ liệu tổng hợp của Bộ sử dụng các công nghệ BigData, AI để quản lý, phân tích, cung cấp thông tin hỗ trợ ra quyết định cho các cấp lãnh đạo.

- 100% chế độ báo cáo cấp bộ; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành trong ngành Thống kê từ trung ương đến địa phương được thực hiện trên môi trường số.

III. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

Hiện tại, Thủ tướng Chính phủ là Chủ tịch Ủy ban chuyển đổi số quốc gia cũng đã có chỉ đạo thúc đẩy quá trình chuyển đổi số:

Một là, sự vào cuộc với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp, các ngành, các địa phương và sự hưởng ứng, tham gia tích cực của toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp. Phải có chương trình, kế hoạch cụ thể, lắng nghe hơi thở cuộc sống, bám sát tình hình thực tế, phản ứng linh hoạt, kịp thời, hiệu quả.

Hai là, phải đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, mạnh dạn thí điểm các mô hình mới để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và xu thế phát

triển. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phát huy mạnh mẽ phương thức đối tác công tư, lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư.

Ba là, phải luôn giữ vững kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát; kiên quyết phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm; đẩy mạnh truyền thông chính sách, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân.

Bốn là, Phải lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu; luôn cầu thị, lắng nghe phản ánh của người dân, doanh nghiệp. Phải nói thật, làm thật, để người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng thật những thành quả do chuyển đổi số mang lại theo tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau.

Thủ tướng chỉ rõ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thời gian tới, mà trước hết là tiếp tục nâng cao nhận thức trong các cấp, các ngành và người dân, doanh nghiệp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng, sức ảnh hưởng, lan tỏa và vai trò động lực phát triển, động lực tăng trưởng của chuyển đổi số; tập trung xây dựng, chia sẻ cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia.

Trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đưa ra các giải pháp như sau:

1. Nhận thức số

1.1. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức mình phụ trách.

Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Đẩy mạnh triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển Chính phủ điện tử. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ KH&ĐT

1.2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số.

- Tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và các trang tin điện tử khác.

- Đẩy mạnh truyền thông các Hệ thống ứng dụng của Bộ trong các công tác: dịch vụ công, đấu thầu, đăng ký doanh nghiệp, đầu tư công,... trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua thư điện tử, ứng dụng di động trực tiếp đến người dùng.

- Tiếp tục triển khai chuyên trang chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Xây dựng Kế hoạch hưởng ứng ngày Chuyển đổi số của Bộ và quốc gia hàng năm.

1.3. Xây dựng Kế hoạch, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ.

1.4. Xây dựng lồng ghép các hoạt động chuyển đổi số của Bộ trong các tiêu chí đánh giá, thi đua khen thưởng hằng năm của tập thể và cá nhân trong Bộ.

1.5. Phổ cập kỹ năng số

- Phổ cập kỹ năng chuyển đổi số tới công chức viên chức và người lao động. Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đẩy mạnh việc phổ cập kỹ năng số thông qua nền tảng đào tạo trực tuyến.

- Phổ cập kỹ năng số và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, nghiên cứu mở rộng các đối tượng hộ kinh doanh, cá thể hợp tác xã.

1.6. Tiếp tục thực hiện đánh giá chỉ số chuyển đổi số tại các đơn vị thuộc Bộ.

1.7. Cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo quy định hiện hành.

2. Hoàn thiện môi trường pháp lý

2.1. Trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Thực hiện lồng ghép các quy định thúc đẩy, tạo môi trường pháp lý cho công tác chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Đặc biệt chú trọng các lĩnh vực đầu thầu, đầu tư công, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đầu tư trong nước, quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp, đầu tư Việt Nam ra nước ngoài, đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, giám sát đầu tư, quy hoạch, thống kê.

- Xây dựng các quy định văn bản hướng dẫn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ đối với hoạt động mở, kết nối, chia sẻ dữ liệu của doanh nghiệp cho cơ quan nhà nước và cho cộng đồng. Xem xét các cơ chế hỗ trợ để khuyến khích doanh nghiệp, chia sẻ dữ liệu có giá trị và cùng xây dựng các bộ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung để phục vụ lợi ích chung.

2.2. Các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hoá, đơn giản hoá, số hoá quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).

2.3. Hoàn thiện Đề án về xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2.4. Xây dựng Đề án chuyển đổi số của Học viện Chính sách và Phát triển.

2.5. Cập nhật Chiến lược dữ liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2.6. Cập nhật Kiến trúc chính phủ điện tử của Bộ KH&ĐT.

2.7. Bổ sung hoàn thiện các quy định, quy chế về quản lý, kết nối dữ liệu số, về dữ liệu mở và chia sẻ dữ liệu theo các quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.8. Hằng năm rà soát, ban hành danh mục dữ liệu mở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2.9. Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, Kế hoạch Chuyển đổi số 5 năm, hằng năm của Bộ.

2.10. Rà soát, đánh giá bộ chỉ tiêu thống kê quốc gia, thống nhất thông tin, dữ liệu cần thiết tạo lập trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp tại Trung tâm dữ liệu quốc gia để phục vụ công tác thống kê từ dữ liệu của các bộ, cơ quan nhằm giảm thiểu công tác điều tra thống kê hiện nay.

3. Phát triển hạ tầng số

Phát triển Hạ tầng chính phủ số phục vụ các hoạt động của Bộ KH&ĐT trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng Truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng một cách an toàn, bảo mật. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ KH&ĐT, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của Bộ một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả. Tập trung vào các nhiệm vụ:

3.1. Nâng cấp TTDL sử dụng công nghệ điện toán đám mây, kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Kết nối với TTDL quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Công an.

3.2. Xây dựng phương án TTDL dự phòng cho các hệ thống thông tin CSDL quốc gia phù hợp với lộ trình đưa các hệ thống lên hoạt động tại TTDL quốc gia.

3.3. Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu để kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ và bộ, ngành địa phương; Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu quốc gia và Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung của Bộ; kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu từng ngành, lĩnh vực vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

- Đảm bảo hoạt động Hệ thống mạng liên thông giữa hệ thống mạng của Bộ với các hệ thống mạng của các cơ quan qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Chính phủ phục vụ hệ thống Hội nghị truyền hình Chính phủ; Kết nối trực liên thông văn bản quốc gia (VDXP); Kết nối mạng CPNET; Kết nối hệ thống mạng NDXP; kết nối hệ thống mạng với Bộ, ngành, địa phương khác.

3.4. Tích hợp, trao đổi thông tin giữa Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công. CSDL quốc gia về dân cư.

3.5. Hạ tầng mạng

- Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng thu thập và truyền tải dữ liệu tại Bộ. Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật, đảm bảo các thiết bị công nghệ được kết nối Internet.

- Chuyển đổi mạng Internet sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

3.6 Tiếp tục triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động, cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ.

3.7. Tiếp tục phát triển và hoàn thiện kho dữ liệu của Bộ.

3.8. Nâng cấp, mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng lộ trình chuyển đổi số trong công tác thống kê.

3.9. Hoàn thiện nền tảng hợp trực tuyến.

3.10. Tích hợp nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp vào các hệ thống thông tin Đấu thầu qua mạng, Đăng ký kinh doanh, Đầu tư nước ngoài, Đầu tư công, Giám sát đầu tư.

3.11. Tích hợp nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức vào các ứng dụng quản lý, điều hành của Bộ.

3.12. Xây dựng, triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực đầu tư công, giám sát đầu tư, đấu thầu, đăng ký kinh doanh, đầu tư nước ngoài, việc triển khai nhiệm vụ của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo và trong An toàn, an ninh mạng.

3.13. Vận hành, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ.

3.14. Phát triển ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin để tương tác với doanh nghiệp trong việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận, tham gia, kết nối đối với các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc trên Cổng thông tin doanh nghiệp.

4. Phát triển dữ liệu số

4.1. Triển khai Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công (*phiên bản mới*) trên toàn quốc. Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống đáp ứng các yêu cầu thay đổi của Luật và yêu cầu thực tiễn về quản lý nhà nước.

4.2. Hoàn thiện Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư, triển khai trên toàn quốc.

Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử theo quy định.

4.3. Thực hiện duy trì, nâng cấp và phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đảm bảo hoạt động ổn định Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thuê dịch vụ công nghệ thông tin; nâng cấp, mở rộng phần mềm ứng dụng; nâng cấp, phát triển và tái kiến trúc phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Tích hợp, chia sẻ thông tin theo thời gian thực với các hệ thống thuế, dân cư, các hệ thống của địa phương và các hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành. Việc chia sẻ, tích hợp dữ liệu thực hiện thông qua Trục tích hợp dữ liệu của Bộ tới NDXP.

4.4. Triển khai việc chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với cơ sở dữ liệu quốc gia đấu thầu qua mạng để đơn giản hóa thủ tục kê khai, đăng ký nhà thầu qua mạng, CSDL quốc gia về dân cư. Triển khai việc chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu nhằm thúc đẩy quá trình đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính cho các Bộ, ngành, địa phương.

4.5. Nâng cấp, mở rộng và tái kiến trúc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4.6. Nghiên cứu xây dựng Đề án về xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp.

4.7. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4.8. Xây dựng Trung tâm dữ liệu dự phòng cho Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4.9. Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh.

4.10. Xây dựng mới Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

a) Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư trong nước;

b) Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam;

c) Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài;

d) Hệ thống thông tin quốc gia về xúc tiến đầu tư;

đ) Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế.

4.11. Hoàn thiện Cổng dữ liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tất cả người dân và doanh nghiệp sử dụng, xây dựng quy trình cung cấp dữ liệu để đảm bảo phân biệt được các đối tượng sử dụng dữ liệu.

4.12. Hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ. Triển khai Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức là một thành phần của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính.

4.13. Hoàn thiện Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của Bộ.

4.14. Xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện nền tảng quản trị số của Bộ.

4.15. Xây dựng phần mềm, CSDL cán bộ công chức viên chức của Bộ.

4.16. Hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của Bộ đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định về cung cấp thông tin, kết nối, liên thông,...

4.17. Triển khai xây dựng Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia.

4.18. Hoàn thiện Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4.19. Hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ: Chuẩn hóa, điện tử hóa các biểu mẫu và tiếp tục gửi, nhận báo cáo qua Hệ thống theo Quyết định số 293/QĐ-TTg, Thông tư số 19/2022/TT-BKHĐT, Quyết định số 1392/QĐ-BKHĐT.

4.20. Phát triển ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin để tương tác với doanh nghiệp trong việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận, tham gia, kết nối đối với các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc trên Cổng thông tin doanh nghiệp.

4.21. Xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin và CSDLQG về quy hoạch trên toàn quốc để đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Luật Quy hoạch.

4.22. Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia, kết nối với hệ thống thông tin thống kê Bộ, ngành, địa phương.

4.23. Xây dựng hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử; Thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử (thiết bị cầm tay, webform) trong các cuộc điều tra thống kê; Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn để biên soạn một số chỉ tiêu thống kê.

4.24. Phát triển hệ sinh thái các ứng dụng phần mềm của Bộ trên thiết bị di động.

4.25. Hoàn thiện hệ thống kho dữ liệu và hệ thống phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung.

4.26. Rà soát, làm sạch dữ liệu đảm bảo tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống”, đối với thông tin cá nhân cần rà soát, làm sạch đối chiếu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4.27. Chia sẻ, kết nối dữ liệu của Bộ với các CSDL quốc gia, các bộ, ngành, địa phương theo Quy chế kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư được ban hành tại Quyết định số 1682/QĐ-BKHĐT ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4.28. Xây dựng, quản lý vận hành Trục tích hợp dữ liệu của Bộ. Trao đổi thông tin, dữ liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với các Bộ, ngành, địa phương và giữa các CSDL trong Bộ thông qua trục tích hợp liên thông nội bộ (LGSP) của Bộ.

4.29. Xây dựng, triển khai các Dự án, nhiệm vụ về công nghệ thông tin trong lĩnh vực thống kê:

- Triển khai các nhiệm vụ thuộc Đề án công nghệ thông tin thuộc Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Tổng cục Thống kê.

- Nâng cấp và mở rộng Hệ thống Công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu các cuộc điều tra hằng năm.

- Xây dựng hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử. Thực hiện trong giai đoạn 2023-2025.

- Xây dựng Kho dữ liệu thống kê đặc tả và dữ liệu vi mô thống kê. Thực hiện trong giai đoạn 2024-2027.

- Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chế độ báo cáo cấp bộ, ngành; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương. Thực hiện trong giai đoạn 2023-2025.

- Xây dựng, thực hiện các dự án triển khai Đề án Tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia. Thực hiện trong giai đoạn 2025-2030.

- Xây dựng, thực hiện các dự án triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia. Thực hiện trong giai đoạn 2025-2030.

4.30. Số hóa hồ sơ lưu trữ điện tử

4.31. Định kỳ kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu; quản lý chất lượng dữ liệu theo quy định hiện hành.

4.32. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ cung cấp, kết nối, chia sẻ các thông tin, dữ liệu về tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, xây dựng ấn phẩm đồ họa thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng về kinh tế - xã hội của Chính phủ.

4.33. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ cung cấp, kết nối, chia sẻ các thông tin, dữ liệu của các chỉ số theo dõi, giám sát về tình hình kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP hằng năm, Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 về Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với tần suất hằng tháng, quý, năm.

5. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

5.1. Triển khai các phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình bảo vệ 4 lớp.

5.2. Hoàn thiện Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng của Bộ, đảm bảo kết nối đầy đủ với Trung tâm giám sát thông tin quốc gia.

5.3. Rà soát, cập nhật và trình phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ theo quy định mới và thực hiện triển khai ngay phương án sau khi được phê duyệt.

5.4. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh mạng theo quy định của pháp luật và của Bộ.

5.5. Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu.

5.6. Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

5.7. Định kỳ hằng năm tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

5.8. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

5.9. Diễn tập ứng cứu sự cố, diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng hằng năm.

5.10. Xây dựng Công an toàn, an ninh mạng của Bộ.

6. Phát triển nguồn nhân lực

6.1. Tiếp tục kiện toàn toàn tổ chức bộ máy, nhân lực của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về công nghệ thông tin, an toàn, an ninh mạng để tăng cường thực hiện nhiệm vụ, giải pháp mới về chuyển đổi số, tăng cường lực lượng bảo vệ an ninh mạng của Bộ.

6.2. Cử cán bộ đại diện tham gia các Chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ Chuyên gia Chính phủ điện tử, Chuyên gia Chuyển đổi số; tham gia bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm.

6.3. Chủ động nghiên cứu, hợp tác, phát triển nguồn nhân lực hiện có để làm chủ và ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới.

6.4. Định kỳ hằng năm tổ chức đào tạo, cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn, an ninh mạng, công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn, an ninh mạng.

6.5. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

6.6. Duy trì tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, an toàn an ninh mạng, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ.

6.7. Tham gia các khoá đào tạo về nâng cao nhận thức chuyển đổi số hỗ trợ triển khai Đề án 06¹⁹.

6.8. Triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCS) do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng.

6.9. Tiếp cận và sử dụng các nền tảng số và bộ công cụ sử dụng thống nhất toàn quốc phục vụ quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số.

7. Hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

7.1. Xây dựng và phát triển quan hệ với các đối tác quốc tế, tăng cường thu hút các nguồn lực nước ngoài (tài chính và nhân lực khoa học trình độ cao) cho hoạt động chuyển đổi số. Tăng cường kết nối, phát triển mạng lưới hợp tác quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tài trợ triển khai chuyển đổi số của Bộ.

7.2. Phối hợp các nhà tài trợ và các đối tác liên quan hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo các chương trình, dự án tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật.

IV. Kinh phí thực hiện

- Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Kinh phí của các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số trong Đề án lấy từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

¹⁹ <https://dean06.daotao.ai/>

- Hằng năm, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các đơn vị dự toán kinh phí thực hiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

V. Chỉ số đánh giá

Thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”.

VI. Cơ chế điều phối triển khai

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của Bộ KH&ĐT chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ được giao.

Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số Bộ KH&ĐT theo dõi, đôn đốc và chịu trách nhiệm điều phối trong việc bảo đảm thực hiện Đề án này.

VII. Tổ chức và lộ trình thực hiện

1. Các đơn vị thuộc Bộ

1.1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

1.2. Phổ biến quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, hướng dẫn về chuyển đổi số để nâng cao nhận thức và vai trò của chuyển đổi số.

1.3. Nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ và Bộ trưởng với tinh thần quyết tâm cao nhất để hoạt động chuyển đổi số tại Bộ thực chất và đạt hiệu quả.

1.4. Thực hiện nghiêm quy chế đảm bảo an toàn, an ninh mạng máy tính của Bộ. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản nội quy sử dụng máy tính độc lập trong việc soạn thảo văn bản có nội dung chứa bí mật nhà nước. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế nội bộ về quản lý, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

1.5. Các đơn vị cung cấp, quản lý thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến thực hiện tái cấu trúc quy trình và các điều kiện bảo đảm để cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình với các thủ tục hành chính đủ điều kiện.

1.6. Khi thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công, đầu tư tại các cơ quan, cần thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ báo cáo trực tuyến trên các hệ thống liên quan theo quy định của pháp luật.

1.7. Sử dụng thống nhất các hệ thống, nền tảng dùng chung của Bộ: Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu; Nền tảng số quản trị tổng thể; Hệ thống quản lý văn

bản và hồ sơ công việc; Nền tảng hợp trực tuyến; Hệ thống thông tin báo cáo; Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

1.8. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu tại Kế hoạch hoạt động của UBQG về chuyển đổi số.

1.9. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý:

- Thực hiện lồng ghép các quy định thúc đẩy, tạo môi trường pháp lý cho công tác chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Đặc biệt chú trọng các lĩnh vực đầu thầu, đầu tư công, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đầu tư trong nước, quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp, đầu tư Việt Nam ra nước ngoài, đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, giám sát đầu tư, quy hoạch, thống kê.

- Xây dựng các quy định văn bản hướng dẫn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ đối với hoạt động mở, kết nối, chia sẻ dữ liệu của doanh nghiệp cho cơ quan nhà nước và cho cộng đồng. Xem xét các cơ chế hỗ trợ để khuyến khích doanh nghiệp, chia sẻ dữ liệu có giá trị và cùng xây dựng các bộ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung để phục vụ lợi ích chung.

- Các chính sách chuyển đổi số để cải cách hành chính (chuẩn hoá, đơn giản hoá, số hoá quy trình, hồ sơ thủ tục hành chính; giảm thiểu giấy tờ truyền thống).

1.10. Sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ để tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý.

1.11. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

1.12. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ 6, 7 tại mục III. Định kỳ hàng tháng rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Đề án và gửi báo cáo về Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Thời gian gửi báo cáo trước ngày 05 hàng tháng.

1.13. Tổ chức thực hiện Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030. (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2. Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Chủ trì, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: 1.2, 1.5, 1.6, 2.5 đến 2.9, 3.1 đến 3.3, 3.5 đến 3.7, 3.9 đến 3.13, 4.1 đến 4.2, 4.10 đến 4.17, 4.19, 4.21, 4.24 đến 4.28, 4.30, 4.32, 4.33, 5.1 đến 5.5, 5.9 đến 5.10 tại mục III.

- Chủ trì xây dựng các dự án:

+ Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch: Thuê tư vấn xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương, trình phê duyệt năm 2026, xây dựng trình phê duyệt dự án và triển khai trong giai đoạn 2027-2030.

+ Dự án Nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư: Tự thực hiện hoặc thuê tư vấn xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương, trình phê duyệt năm 2025, xây dựng trình phê duyệt dự án triển khai trong giai đoạn 2026-2029.

+ Dự án Xây dựng CSDL cán bộ công chức viên chức của Bộ: Tự thực hiện hoặc thuê tư vấn xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương, trình phê duyệt năm 2025, xây dựng trình phê duyệt dự án triển khai trong giai đoạn 2026-2028.

+ Dự án Xây dựng Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về Hợp tác xã: Thuê tư vấn xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương, trình phê duyệt năm 2027, xây dựng trình phê duyệt dự án và triển khai trong giai đoạn 2028-2030.

+ Dự án hoàn thiện Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công: Tự thực hiện hoặc thuê tư vấn xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương, trình phê duyệt năm 2026-2027, xây dựng trình phê duyệt dự án triển khai trong giai đoạn 2028-2030.

+ Dự án Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng lõi và bảo mật, Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ: Thuê tư vấn xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương, trình phê duyệt 2025-2026, xây dựng trình phê duyệt dự án và triển khai trong giai đoạn 2027-2029.

- Tổng hợp tình hình triển khai Đề án hàng tháng của Bộ khi có khó khăn, vướng mắc.

3. Tổng cục Thống kê

- Chủ trì, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: 2.10, 3.8, 4.22, 4.23, 4.26, 5.1, 4.32, 4.33 tại mục III.

- Chủ trì xây dựng, triển khai các Dự án, nhiệm vụ về công nghệ thông tin trong lĩnh vực thống kê:

+ Triển khai các nhiệm vụ thuộc Đề án công nghệ thông tin thuộc Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Tổng cục Thống kê.

+ Nâng cấp và mở rộng Hệ thống Công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu các cuộc điều tra hàng năm.

+ Xây dựng hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử. Thực hiện trong giai đoạn 2023-2025.

+ Xây dựng Kho dữ liệu thống kê đặc tả và dữ liệu vi mô thống kê. Thực hiện trong giai đoạn 2024-2027.

+ Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chế độ báo cáo cấp bộ, ngành; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương. Thực hiện trong giai đoạn 2023-2025.

+ Xây dựng, thực hiện các dự án triển khai Đề án Tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia. Thực hiện trong giai đoạn 2025-2030.

+ Xây dựng, thực hiện các dự án triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia. Thực hiện trong giai đoạn 2025-2030.

4. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh

- Chủ trì, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: 3.10, 3.12, 4.3, 4.4, 4.5, 4.8, 4.9, 4.26, 5.1 tại mục III.

- Chủ trì xây dựng Dự án nâng cấp, mở rộng và tái kiến trúc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thực hiện 2025-2030.

- Chủ trì xây dựng Dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu dự phòng cho Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thực hiện 2025-2030.

5. Cục Đầu tư nước ngoài

- Chủ trì, tổ chức thực hiện nhiệm vụ 4.26 và phối hợp thực hiện nhiệm vụ 3.12, tại mục III.

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số triển khai xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; nâng cao tỷ lệ đăng ký đầu tư qua mạng điện tử và cung cấp dịch vụ công khác cho người dân và doanh nghiệp.

6. Cục Quản lý đấu thầu

- Chủ trì, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: 3.3 đến 3.5, 3.9, 3.12, 4.18, 4.26, 5.1 tại mục III.

- Tích hợp, trao đổi thông tin giữa Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công. CSDL quốc gia về dân cư.

- Sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ để tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý.

7. Cục Phát triển doanh nghiệp

Chủ trì, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: 2.3, 3.14, 4.6, 4.7, 4.20, 4.26 tại mục III.

8. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân

- Chủ trì, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: 4.32, 4.33 tại mục III.

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số và các đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

9. Vụ Kinh tế đối ngoại

Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, triển khai Chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý ODA.

10. Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư

Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong việc triển khai Hệ thống thông tin về đầu tư và sử dụng vốn nhà nước trong công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

11. Vụ Quản lý các khu kinh tế

Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế là thành phần trong Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

12. Văn phòng Bộ

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, báo cáo Lãnh đạo Bộ phương án bố trí kinh phí theo quỹ định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công để thực hiện duy trì hạ tầng, Chuyển đổi số trong trong giai đoạn 2024 - 2025 và 2025 - 2030 của Bộ.

- Thực hiện việc số hóa văn bản đến, đi; gửi điện tử các văn bản nội bộ, đảm bảo 100% văn bản được số hóa, phân xử lý trên mạng.

- Chủ trì đơn đốc các đơn vị thuộc Bộ thực hiện việc rà soát, đề xuất, phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, kiến nghị bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp, trùng lặp trong bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

- Chủ trì thực hiện rà soát, chuẩn hóa dữ liệu thủ tục hành chính trên CSDLQG về thủ tục hành chính.

- Chủ trì triển khai thống nhất, kịp thời Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của Bộ trong Bộ. Hoàn thành 2025.

- Chủ trì số hóa hồ sơ lưu trữ điện tử. Thực hiện trong giai đoạn 2025-2030.

13. Vụ Tổ chức cán bộ

Chủ trì, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: 1.3, 1.4, 4.26 tại mục III.

14. Vụ Quản lý quy hoạch

- Chủ trì xây dựng Thông tư Hướng dẫn việc thu thập, cập nhật, xử lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch. Thực hiện trong giai đoạn 2025-2030.

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số xây dựng Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và triển khai thống nhất

trên phạm vi toàn quốc để giúp Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương trong việc cập nhật, khai thác và quản lý thông tin về quy hoạch.

15. Học viện Chính sách và Phát triển

- Chủ trì, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: 2.4, 5.1 tại mục III.
- Xây dựng Dự án chuyển đổi số toàn diện Học viện Chính sách và Phát triển.

16. Cục Kinh tế hợp tác

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã.

PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

I. Tính khả thi của đề án

1. Về quyết tâm chính trị của người đứng đầu

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, là yêu cầu bắt buộc đối với các Bộ, ngành, địa phương trong giai đoạn hiện nay theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Sự vào cuộc, chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo Ban Cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư đặc biệt là Bộ trưởng, sự quyết tâm, đồng thuận của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Bộ Kế hoạch và Đầu tư với nhiệm vụ chuyển đổi số là cơ sở để triển khai Đề án thành công.

2. Về sự sẵn sàng của các sản phẩm, giải pháp công nghệ

Việt Nam đã và đang từng bước hình thành nền công nghiệp ICT, có các doanh nghiệp số mạnh, môi trường kinh doanh cởi mở với sản phẩm, dịch vụ số đa dạng; ý chí và sự lớn mạnh của cộng đồng doanh nghiệp nội địa về việc làm chủ công nghệ và triển khai các sản phẩm công nghệ mang thương hiệu “Make in Vietnam” với hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đang hình thành và phát triển, cho phép cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số tốt nhất, giúp xử lý các bài toán nghiệp vụ chuyên ngành về chuyển đổi số cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

II. Hiệu quả của đề án

1. Hiệu quả quản lý nhà nước

Đề án là cơ sở, tiền đề cho phép triển khai các dự án công nghệ thông tin tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư được đồng bộ, hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian, nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đồng thời, hình thành hạ tầng thông tin thống nhất và kho dữ liệu dùng chung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quản lý và lưu trữ hồ sơ điện tử, các cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Các công việc thu thập, lưu trữ thông tin, tổng hợp thông tin, lập báo cáo, gửi/nhận báo cáo được tin học hóa từng bước đầu tiên đến số hóa trong toàn bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ngành Kế hoạch và đầu tư, thống kê các cấp làm thay đổi quy trình và phương pháp làm việc của lãnh đạo, công chức, viên chức và cán bộ làm việc trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngành theo hướng đổi mới, tiết kiệm về thời gian và công sức.

Các hệ thống ứng dụng cung cấp các dịch vụ thuộc chức năng nhiệm vụ và các nghiệp vụ chuyên ngành đầu tư, thống kê đáp ứng các nhu cầu bảo mật, nhu cầu về an toàn, an ninh thông tin tối đa với độ an toàn, tính sẵn sàng và liên tục cao nhất, giảm thiểu các chi phí vận hành, bảo dưỡng tại các đơn vị trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngoài ra, các ứng dụng số sẽ cho phép lập kế hoạch và báo cáo, thống kê tổng hợp giúp tổ chức và cung cấp các hình thức khai thác thông tin đa

dạng, đáp ứng hoàn toàn nhu cầu tổng hợp thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác với các phân tích và hỗ trợ ra quyết định, phục vụ công tác điều hành quản lý của lãnh đạo các cấp, chất lượng chuyên môn và các hoạt động nghiệp vụ của công chức, viên chức và cán bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngành kế hoạch, thống kê các cấp sẽ được cải thiện, nâng cao.

Phát huy vai trò của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thực hiện dân chủ và tăng cường đồng thuận xã hội. Chuyển đổi số giúp Bộ Kế hoạch và Đầu tư tạo ra nhiều kênh và phương tiện để nhân dân tham gia vào các hoạt động Bộ, như bày tỏ ý kiến, kiến nghị, phản ánh; thực hiện công dân và quyền lợi của mình.

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc dựa trên các công nghệ số. Như vậy, kết quả của Đề án sẽ sử dụng dữ liệu và hệ thống công nghệ số sẽ thay đổi thay đổi nghiệp vụ, mô hình và phương thức hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tất cả các thay đổi đó đều theo hướng khoa học, tích cực và hiệu quả trong việc kiểm soát, ra quyết định trong công tác quản lý;

Việc ứng dụng Chuyển đổi số trong Bộ sẽ thay đổi nhận thức của những nhà lãnh đạo, những người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức có những quyết định, hướng đi phù hợp và hiệu quả với những biến động của môi trường, xã hội và thị trường;

Thực hiện đề án chuyển đổi số sẽ nâng cao được hiệu quả, hiệu lực và tốc độ trong công tác quản lý nhà nước của Bộ; Hạn chế được các rào cản về không gian, thời gian, tính đồng bộ trong công tác dự báo, xây dựng kế hoạch và chỉ đạo và ban hành chính sách hỗ trợ nhờ hệ thống dữ liệu được cập nhật đồng bộ theo thời gian thực.

Thu hẹp khoảng cách giữa các cấp quản lý: Sự kết nối thông tin giữa các cấp của các chuyên ngành, các địa phương trong một nền tảng hệ thống công nghệ thống nhất sẽ giúp các vấn đề phát sinh trong từng cấp, từng lĩnh vực được giải quyết ngay khi xảy ra, giúp cho sự vận hành hệ thống các cấp, các lĩnh vực không bị tắc nghẽn; dễ dàng tìm ra khắc phục các rào cản, hạn chế.

Tăng sự minh bạch và hiệu quả trong hệ thống quản lý nhà nước: Khi áp dụng chuyển đổi số vào quá trình vận hành các tổ chức, đơn vị lãnh đạo sẽ có thể chủ động và dễ truy suất báo cáo về các hoạt động của đơn vị, trình tự và tiến độ xử lý công việc, phân giao nhiệm vụ trách nhiệm cho từ cán bộ cụ thể; dễ dàng đưa ra quyết định kịp thời để tăng hiệu quả xử lý công việc; lượng hóa được hiệu quả giải quyết công việc của từng cá nhân, tối ưu hóa năng lực và minh bạch trong công tác đánh giá cán bộ.

2. Hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội

Đề án chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai hoàn thành kỳ vọng sẽ hình thành một hệ thống thông tin, điều hành thông minh tập trung, có khả năng tích hợp thông tin từ nhiều hệ thống nhằm hỗ trợ việc ra quyết định của lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, giúp đưa ra thống kê chính xác, tra cứu dữ liệu

kịp thời phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo vị trí, chức năng nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hiệu quả về kinh tế - xã hội của đề án:

- Tăng cường hiệu quả quản lý nguồn lực và kinh phí: Chuyển đổi số giúp Bộ Kế hoạch và Đầu tư nâng cao khả năng quản lý nguồn lực quốc gia, nâng cao quản lý nhân sự, nguồn lực cho các hoạt động của Bộ. Chuyển đổi số cũng giúp Bộ Kế hoạch và Đầu tư minh bạch hóa việc phân bổ nguồn lực, phòng ngừa và ngăn chặn tham nhũng, lãng phí.

- Nâng cao năng lực hoạt động của Bộ: Chuyển đổi số giúp Bộ Kế hoạch và Đầu tư cải thiện quản lý, điều hành, phối hợp và triển khai các hoạt động với các bộ, ngành, địa phương và trong nội bộ, giúp công việc được thực hiện nhanh chóng, chính xác tăng hiệu quả làm việc.

3. Hiệu quả đối với các lĩnh vực quản lý có liên quan

- Thúc đẩy áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ khai thác dữ liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Giúp cho các hoạt động khai thác và tra cứu thông tin dữ liệu được thực hiện đơn giản, nhanh chóng và chính xác.

- Tăng năng suất lao động, giúp giảm thiểu các nỗ lực phục vụ hoạt động tra cứu, thống kê báo cáo để tập trung vào các hoạt động chuyên môn.

III. Đánh giá về những thách thức, rủi ro của Đề án

1. Rủi ro về công nghệ, giải pháp kỹ thuật

Công nghệ ngày càng thay đổi nhanh chóng. Vì vậy, công nghệ sử dụng để triển khai các hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT phục vụ chuyển đổi số luôn chứa đựng những rủi ro nhất định về tiếp cận, sử dụng công nghệ hoặc công nghệ bị lỗi thời.

2. Rủi ro do cơ cấu tổ chức và cơ chế chính sách

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Khi triển khai chuyển đổi số sẽ dẫn đến những thay đổi cách thức xử lý công việc đối với bộ phận tiếp nhận vận hành, thay đổi hành vi và những cảm nhận của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, bộ phận thụ hưởng kết quả Đề án. Khi áp dụng công nghệ tự động hiện đại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nói riêng và các cơ quan nhà nước nói chung sẽ phải thay đổi thói quen, quy trình, kỷ luật trong các công tác chuyên môn và các mối tương tác. Vì vậy, việc chuyển đổi số rất cần các cơ chế, chính sách đồng bộ đi kèm. Nếu thiếu sự đồng bộ giữa các cơ chế, chính sách thì Đề án sẽ không phát huy được hiệu quả đầu tư. Do đó, cần bảo đảm đầu tư hạ tầng kỹ thuật phải song song với việc ban hành các cơ chế, chính sách linh hoạt, phù hợp với từng thời kỳ.

3. Rủi ro về tài chính

Các rủi ro về tài chính là khi triển khai thực hiện các dự án thuộc Đề án bị thiếu vốn đầu tư, các phương tiện trang bị không được đáp ứng đầy đủ, dẫn đến không có đủ kinh phí để thực hiện, quá trình thiết kế và triển khai bị trì hoãn.

Đối với các dự án thuộc Đề án, nếu bị trì hoãn thường kéo theo nhiều hệ lụy, có thể phải điều chỉnh hoặc thay đổi việc lựa chọn công nghệ và thiết kế lại hệ thống do thời gian trì hoãn kéo dài. Chính vì vậy, các dự án thuộc Đề án cần phải cân nhắc kỹ lưỡng về nguồn lực tài chính trước khi triển khai thực hiện.

4. Rủi ro về nhân lực

Nhân lực không đáp ứng yêu cầu sẽ là một rủi ro lớn cho thành công của Đề án. Để phòng tránh rủi ro này cần phải thực hiện chiến lược phát triển, sử dụng nguồn nhân lực ngay từ khi thực hiện đề án. Đặc biệt trong bối cảnh nguồn nhân lực CNTT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa đủ mạnh, chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, chất lượng ở các khâu, vị trí quan trọng. Vì vậy, Kế hoạch và Đầu tư cần chuẩn bị sẵn sàng phương án về nhân sự phục vụ quản lý, duy trì và vận hành các hệ thống CNTT, kết hợp với hình thức thuê dịch vụ.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Chuyển đổi số là công việc khó, phải có quyết tâm cao, hành động quyết liệt và cần xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, các mũi đột phá để tạo động lực cho quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) do Bộ Công an chủ trì xây dựng, là đề án quan trọng, đột phá trong thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, tạo ra nhiều tiện ích, dịch vụ, mang lại lợi ích thiết thực, phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn, hiệu quả hơn.

Thành công từ Đề án 06 giúp rút ra nhiều bài học kinh nghiệm cần được các bộ, ngành, địa phương trên toàn quốc tiếp tục học tập, phát huy và mở rộng, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa quá trình chuyển đổi số quốc gia. Trên tinh thần đó, để khắc phục tồn tại trong thời gian vừa qua, tạo động lực, đột phá cho chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, xã hội số.

Chuyển đổi số trước tiên là thay đổi thể chế, chuyển đổi về nhận thức, từ đó thay đổi cách làm và sử dụng công nghệ số để thực thi, đạt mục đích đổi mới, sáng tạo trong toàn bộ cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bảo đảm tận dụng kế thừa, cho phép kết nối với các hệ thống thông tin liên quan của các cơ quan khác trong hệ thống chính trị Việt Nam đặc biệt là CSDL dân cư thuộc Đề án 06. Có thể nói, nhiệm vụ chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý nghĩa quan trọng, cần thiết và cấp bách; góp phần đổi mới phương thức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động tham mưu, giúp việc cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc tổ chức, điều hành công việc lãnh đạo, chỉ đạo.

Quá trình chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư là quá trình đầu tư liên tục, lâu dài, có tác động lớn đến thay đổi nhận thức của nhiều chủ thể - là yếu tố mang tính chất quyết định - tổ chức bộ máy, phương thức làm việc, nguồn lực đầu tư. Do đó, cần có quyết tâm chính trị, đồng thuận từ tất cả lãnh đạo các cấp, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ, đặc biệt là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Vì vậy, kiến nghị Lãnh đạo Bộ sớm phê duyệt Đề án Chuyển đổi số Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2025-2030 để có cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án trong thực tiễn./.

Phụ lục I

CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1012/QĐ-TTG NGÀY 20/9/2024 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Đề án chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2025-2030)

STT	Nhiệm vụ được giao	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời hạn
1	Tạo lập, tổng hợp, phân tích các chỉ số, nhóm chỉ số theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II để cung cấp cho Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Phối hợp với Văn phòng Chính phủ xây dựng cấu trúc, định dạng, thuộc tính các chỉ số để đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu; sửa đổi, bổ sung khi có thay đổi.	Chi tiết tại Phụ lục II		
2	Rà soát các chế độ báo cáo bảo đảm chỉ ban hành những chế độ báo cáo thật sự cần thiết; cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu số có sẵn từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu	Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân	Quyết định của Bộ trưởng	Tháng 02/2025
3	Rà soát các chế độ báo cáo bảo đảm chỉ ban hành những chế độ báo cáo thật sự cần thiết; cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu số có sẵn từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu	Các đơn vị thuộc Bộ	Văn bản rà soát	Thường xuyên
4	Thực hiện rà soát, đơn giản hoá, tái cấu trúc quy trình giải quyết công việc, theo dõi, kiểm tra, giám sát phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử để tạo thuận lợi trong việc thu thập, tạo lập dữ liệu số và kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành.	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Văn bản rà soát	Thường xuyên
5	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, ngành, địa phương kết	Tháng 02/2025

STT	Nhiệm vụ được giao	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời hạn
	bộ, ngành, địa phương kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.		nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	
6	Kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của bộ, ngành, địa phương với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Thông tin, dữ liệu được kết nối, tích hợp, chia sẻ	Thường xuyên
7	Tổ chức tạo lập, kết nối, chia sẻ, tổng hợp, phân tích, đánh giá, giám sát chất lượng thông tin, dữ liệu các chỉ số, nhóm chỉ số tại Phụ lục II	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Thông tin, dữ liệu về các chỉ số, nhóm chỉ số	Thường xuyên
8	Kết nối, tích hợp, chia sẻ 40 nhóm thông tin, dữ liệu trực tuyến thời gian thực hai chiều với các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Thông tin, dữ liệu trực tuyến về các chỉ số, nhóm chỉ số được kết nối, chia sẻ	Tháng 12/2025
9	Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương, các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Đưa ra cảnh báo với các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ được giao	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời hạn
10	Tăng cường các hoạt động phối hợp, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, quốc tế triển khai các hoạt động bồi dưỡng, nghiên cứu, phát triển về dữ liệu; ứng dụng, phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; xây dựng chính sách, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu	Các đơn vị thuộc Bộ	Hoạt động bồi dưỡng, tập huấn; nghiên cứu, phát triển về dữ liệu, ứng dụng và phân tích dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành	Thường xuyên
11	Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ cung cấp, kết nối, chia sẻ các thông tin, dữ liệu về tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, xây dựng ấn phẩm đồ họa thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng về kinh tế - xã hội của Chính phủ.	- Cung cấp thông tin: Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân; - Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu: Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số; - Xây dựng ấn phẩm đồ họa thông tin: Tổng cục Thống kê.	Thông tin, dữ liệu được kết nối, tích hợp, chia sẻ	Thường xuyên
12	Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ cung cấp, kết nối, chia sẻ các thông tin, dữ liệu của các chỉ số theo dõi, giám sát về tình hình kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP hằng năm, Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 về Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với tần suất hằng tháng, quý, năm.	- Nghị quyết số 01/NQ-CP: Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân; - Nghị quyết số 02/NQ-CP: Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; - Quyết định số		Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ được giao	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện	Thời hạn
		288/QĐ-TTg: Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số		

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC THÔNG TIN, DỮ LIỆU ƯU TIÊN TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN NĂM 2024 - 2025 PHỤC VỤ CÔNG
TÁC, CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Đề án chuyển đổi số của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2025-2030)

STT	Thông tin, dữ liệu	Phạm vi	Thời gian	Phân tổ	Cơ quan thực hiện
A. Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành hằng ngày, hằng tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ					
I	Chỉ số giá				
1	Chỉ số giá tiêu dùng tháng <i>(so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước; so với cùng kỳ năm trước)</i>	Cả nước	Tháng	11 nhóm hàng chính	Tổng cục Thống kê
2	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân so với cùng kỳ năm trước	Cả nước	Tháng	11 nhóm hàng chính	Tổng cục Thống kê
3	Chỉ số giá vàng <i>(so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)</i>	Cả nước	Tháng		Tổng cục Thống kê
4	Chỉ số giá đô la Mỹ <i>(so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)</i>	Cả nước	Tháng		Tổng cục Thống kê
5	Lạm phát cơ bản <i>(so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước)</i>	Cả nước	Tháng		Tổng cục Thống kê
II	Kế hoạch và Đầu tư				
1	Doanh nghiệp <i>(đang hoạt động; thành lập mới; số vốn đăng ký; quay trở lại hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; chờ làm thủ tục giải thể; giải thể...)</i>	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Ngày/ Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC)	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh

STT	Thông tin, dữ liệu	Phạm vi	Thời gian	Phân tổ	Cơ quan thực hiện
3	Đấu thầu (tổng số gói thầu, tổng giá trị trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm trong đấu thầu)	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng/Năm	Phân ngành kinh tế	Cục Quản lý đấu thầu
5	Hợp tác xã, kinh tế tập thể (đang hoạt động; thành lập mới; vốn điều lệ; giải thể)	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng	Phân ngành kinh tế	Cục Kinh tế hợp tác
7	Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế (thành lập, điều chỉnh; thu hút đầu tư; đầu tư kết cấu hạ tầng; bảo vệ môi trường; tình hình sản xuất kinh doanh...)	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng	Phân ngành kinh tế/Đối tác đầu tư	Vụ Quản lý khu kinh tế
9	Đầu tư nước ngoài (vốn thực hiện; tình hình sản xuất kinh doanh; đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, điều chỉnh vốn, góp vốn mua cổ phần...)	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng	Phân ngành kinh tế (VSIC), tỉnh, thành phố	Cục Đầu tư nước ngoài
11	Đầu tư ra nước ngoài (đăng ký đầu tư, bao gồm đầu tư mới, tăng vốn...)	Cả nước	Tháng	Phân ngành kinh tế/Nước tiếp nhận đầu tư	Cục Đầu tư nước ngoài
13	Dự án đầu tư công (số lượng dự án; tổng vốn đầu tư; giải ngân theo dự án...)	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng	Phân ngành kinh tế	Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân
III	Công Thương				
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Tháng	Phân ngành cấp 2 VSIC, tỉnh, thành phố	Tổng cục Thống kê

STT	Thông tin, dữ liệu	Phạm vi	Thời gian	Phân tổ	Cơ quan thực hiện
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Cả nước	Tháng	Sản phẩm	Tổng cục Thống kê
IV	Nông nghiệp				
1	Sản lượng lúa	Cả nước	Quý	Cả nước/Tỉnh, thành phố	Tổng cục Thống kê
V	Các ngành dịch vụ				
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (<i>bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lữ hành, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ khác</i>)	Cả nước	Tháng	Nhóm hàng chủ yếu	Tổng cục Thống kê
2	Vận tải hành khách (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)	Trong nước/ Ngoài nước	Tháng	Phương thức vận tải	Tổng cục Thống kê
3	Vận tải hàng hóa (<i>vận chuyển, luân chuyển...</i>)	Trong nước/ Ngoài nước	Tháng	Phương thức vận tải	Tổng cục Thống kê
4	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Cả nước/ tỉnh, thành phố	Tháng		Tổng cục Thống kê
B. Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm					
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và GRDP của các địa phương	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Quý/Năm		Tổng cục Thống kê
2	GDP bình quân đầu người; GRDP bình quân đầu người	Cả nước/ Tỉnh, thành phố	Năm		Tổng cục Thống kê

STT	Thông tin, dữ liệu	Phạm vi	Thời gian	Phân tổ	Cơ quan thực hiện
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	Cả nước	Quý/Năm		Tổng cục Thống kê
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	Cả nước	Tháng/Năm		Tổng cục Thống kê
5	Tốc độ tăng năng suất lao động	Cả nước	Năm		Tổng cục Thống kê
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	Cả nước	Quý/Năm		Tổng cục Thống kê
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	Cả nước	Quý/Năm		Tổng cục Thống kê
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	Cả nước	Quý/Năm		
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	Cả nước	Quý/Năm		Tổng cục Thống kê
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	Cả nước	Năm	Cả nước/dân tộc thiểu số	Tổng cục Thống kê
10	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Cả nước	Năm		Vụ Quản lý khu kinh tế
C. Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn					
1	Các thông tin về dân sinh - kinh tế (<i>dân cư, nhà ở, đất diện tích trồng trọt, số đầu con trong chăn nuôi, diện tích thủy sản, số hộ thiếu đói...</i>)	Cả nước/ Tỉnh thành phố	Tháng/Quý/Năm	Cả nước	Tổng cục Thống kê